



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT  
KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG-  
CHI NHÁNH CẢNG CHÙA VỄ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

**Sinh viên : Nguyễn Lê Nguyên  
Giảng viên hướng dẫn: ThS Lã Thị Thanh Thủy  
TS Hoàng Chí Cương**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Lê Nguyên

Mã SV:1212402016

Lớp: QT1601N

Ngành: Quản trị doanh nghiệp

Tên đề tài: Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại công ty cổ phần cảng Hải Phòng - Chi nhánh cảng Chùa Vẽ.

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

Phần 1: Cơ sở lý luận về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Phần 2: Một số nét khái quát về chi nhánh Cảng Chùa Vẽ thuộc công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.

Phần 3: Phân tích thực trạng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại chi nhánh Cảng Chùa Vẽ thuộc công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.

Phần 4: Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại chi nhánh Cảng Chùa Vẽ thuộc công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Bảng thống kê sản lượng năm 2014, 2015.

- Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2014, 2015.

- Bảng cân đối kế toán năm 2014, 2015.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ thuộc công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Lã Thị Thanh Thủy

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại công ty cổ phần cảng Hải Phòng - Chi nhánh cảng Chùa Vẽ.

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên: Hoàng Chí Cương

Học hàm, học vị: Tiến sĩ.

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại công ty cổ phần cảng Hải Phòng - Chi nhánh cảng Chùa Vẽ

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 09 tháng 7 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

***Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2016***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

## PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....  
.....  
.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2016*  
**Cán bộ hướng dẫn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

## MỤC LỤC

Lời mở đầu

### PHẦN 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP..... 6

1.Hiệu quả sản xuất kinh doanh .....	6
1.1.Khái niệm hoạt động sản xuất kinh doanh.....	6
1.2.Khái niệm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	6
1.3.Bản chất của hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	7
1.4.Vai trò của hiệu quả sản xuất kinh doanh .....	8
1.5.Ý nghĩa của việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh .....	9
1.6.Mục đích của phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh .....	10
1.7.Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.....	10
1.7.1.Nhân tố khách quan.....	11
1.7.1.1.Môi trường kinh tế .....	11
1.7.1.2.Môi trường pháp lý.....	11
1.7.1.3.Môi trường công nghệ.....	11
1.7.1.4.Nhân tố môi trường tự nhiên.....	12
1.7.1.5.Đối thủ cạnh tranh.....	12
1.7.2.Nhân tố chủ quan.....	12
1.7.2.1.Lực lượng lao động .....	12
1.7.2.2.Cơ sở vật chất kỹ thuật.....	13
1.7.2.3.Nhân tố quản trị trong doanh nghiệp .....	13
1.8.Các phương pháp phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh.....	13
1.8.1.Phương pháp so sánh.....	13
1.8.2.Phương pháp thay thế liên hoàn .....	14
1.8.3.Phương pháp liên hệ.....	14
1.8.4.Phương pháp chi tiết.....	15
1.8.5.Phương pháp cân đối.....	16
1.8.6.Phương pháp hồi quy tương quan .....	16
1.9.Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh.....	16
1.9.1.Nhóm chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn sản xuất kinh doanh .....	16
1.9.2.Khả năng thanh toán.....	17
1.9.3.Các hệ số về cơ cấu Nguồn vốn và cơ cấu Tài sản .....	18
1.9.4.Các chỉ số về hoạt động .....	19

1.9.5.Tỷ suất sinh lợi .....	20
1.9.6.Hiệu quả sử dụng chi phí .....	21
1.9.7.Hiệu suất sử dụng máy móc, trang thiết bị .....	21
1.9.8.Hiệu suất sử dụng lao động .....	22
<b>PHẦN 2. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG- CHI NHÁNH CẢNG CHÙA VỄ.....</b>	<b>23</b>
2.1.Quá trình hình thành và phát triển của Cảng Hải Phòng .....	23
2.1.1.Khái quát về Cảng Hải Phòng .....	23
2.1.2.Quá trình hình thành và phát triển của Cảng Hải Phòng .....	24
2.2.Quá trình hình thành và phát triển Cảng Chùa Vẽ.....	27
2.2.1.Khái quát về Cảng Chùa Vẽ.....	27
2.2.2.Vị trí địa lý và lịch sử phát triển cảng Chùa Vẽ.....	27
2.3.Chức năng, nhiệm vụ của Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ.....	29
2.4.Cơ cấu tổ chức.....	30
2.4.1.Sơ đồ tổ chức Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ .....	30
2.4.2.Chức năng, vai trò, nhiệm vụ của các Phòng, Ban .....	32
2.5.Thuận lợi và khó khăn của Cảng Hải Phòng.....	34
2.5.1.Khó khăn.....	34
2.5.2.Thuận lợi.....	35
<b>PHẦN 3. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CẢNG CHÙA VỄ.....</b>	<b>36</b>
3.1. Sản phẩm của Cảng Chùa Vễ.....	36
3.2.Quy trình dịch vụ.....	37
3.3.Phân tích tình hình sản lượng hàng hóa qua Chi nhánh Cảng Chùa Vễ- Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng năm 2014-2015 .....	38
3.4.Phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tài Chi nhánh Cảng Chùa Vễ năm 2014-2015	
3.4.1.Phân tích khái quát về tài sản.....	42
3.4.2.Phân tích khái quát về nguồn vốn .....	46
3.4.3.Phân tích khái quát báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	48
3.5.Phân tích hiệu quả sử dụng các nguồn lực .....	51
3.5.1.Phân tích hiệu quả sử dụng chi phí .....	51
3.5.2.Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản cố định .....	53
3.5.3.Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản lưu động.....	54



3.5.4.Phân tích hiệu quả sử dụng tổng tài sản.....	55
3.5.5.Phân tích hiệu quả sử dụng lao động .....	56
3.5.6.Phân tích một số hệ số tài chính.....	57
<b>PHẦN 4. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CẢNG CHÙA VỄ- CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG.....</b>	<b>59</b>
4.1.Đánh giá chung.....	59
4.2.Đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại chi nhánh Cảng Chùa Vẽ- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng .....	60
4.2.1.Giải pháp nâng cao hoạt động marketing. ....	60
4.2.2Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng lao động .....	65.
4.2.3, Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định.....	68
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>70</b>

## Lời mở đầu

Việt Nam là một đất nước trẻ, năng động và Nhà nước đang nỗ lực hết mình để đưa đất nước ta ngày càng lớn mạnh, sánh vai cùng các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới. Những năm gần đây, Việt Nam đã gia nhập rất nhiều tổ chức quốc tế WTO, AEC, TPP v.v... việc mở cửa hội nhập đem lại nhiều cơ hội cũng như thách thức đối với nền kinh tế cũng như việc phát triển ngoại thương đặc biệt là lĩnh vực khai thác cảng biển.

Việt Nam với đường bờ biển chạy dọc khắp đất nước và hệ thống sông ngòi dày đặc có rất nhiều điều kiện thuận lợi cho việc phát triển giao thông vận tải thủy. Cảng biển là một bộ phận không thể thiếu của hệ thống giao thông vận tải thủy, đồng thời là cửa ngõ trong thương mại quốc tế. Cảng biển là nơi trao đổi hàng hóa cho nhu cầu nội địa và xuất nhập khẩu góp phần lớn thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Thành phố Hải Phòng cũng là thành phố cảng lớn có dịch vụ khai thác cảng biển rất phát triển, Trước tình hình kinh tế chung, công ty cổ phần cảng Hải Phòng - một trong những đơn vị về cảng biển lớn cũng đã có nhiều bước đi đầy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh để đứng vững trước những thách thức mà việc hội nhập đem lại, đồng thời có thể nắm bắt cơ hội để phát triển, lớn mạnh xứng tầm với những cảng biển khác trong khu vực và trên Thế giới.

Sau khi kết thúc khóa học ngành quản trị doanh nghiệp, với những kiến thức đã học tại trường Đại học Dân Lập Hải Phòng và kinh nghiệm thực tế khi thực tập tại công ty cổ phần cảng Hải Phòng - chi nhánh cảng Chùa Vẽ, trực thuộc công ty cổ phần cảng Hải Phòng, em đã lựa chọn đề tài: **“Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại chi nhánh cảng Chùa Vẽ trực thuộc công ty cổ phần cảng Hải Phòng”**.

Kết cấu khóa luận gồm 4 phần:

**Phần 1: Cơ sở lý luận về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.**

**Phần 2: Một số nét khái quát về chi nhánh Cảng Chùa Vẽ thuộc công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.**

**Phần 3: Phân tích thực trạng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại chi nhánh Cảng Chùa Vẽ thuộc công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.**

**Phần 4: Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại chi nhánh Cảng Chùa Vẽ thuộc công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.**

Vì thời gian và kiến thức hạn hẹp nên bài khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự chỉ bảo và góp ý để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng đặc biệt là sự giúp đỡ của giảng viên Ts. Lã Thị Thanh Thủy cùng tập thể các cán bộ nhân viên các Phòng, Ban của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng – Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này!

## **PHẦN I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP.**

### **I. Hiệu quả sản xuất kinh doanh**

#### **1.1. Khái niệm hoạt động sản xuất kinh doanh**

Trong thời đại ngày nay, hoạt động sản xuất tạo ra của cải vật chất và dịch vụ luôn gắn liền với cuộc sống của con người. “ Nếu loại bỏ các phần khác nhau nói về phương tiện, phương thức, kết quả cụ thể của hoạt động kinh doanh thì hoạt động sản xuất kinh doanh có thể hiểu là các hoạt động kinh tế nhằm mục tiêu sinh lời của chủ thể kinh doanh trên thị trường”

Hoạt động kinh doanh có đặc điểm:

+ Do một chủ thể thực hiện và gọi là chủ thể kinh doanh, chủ thể kinh doanh có thể là cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp

+ Kinh doanh phải gắn với thị trường, các chủ thể kinh doanh có mối quan hệ mật thiết với nhau, đó là quan hệ với các bạn hàng, với chủ thể cung cấp đầu vào, với khách hàng, với đối thủ cạnh tranh, với Nhà nước. Các mối quan hệ này giúp cho các chủ thể kinh doanh duy trì hoạt động kinh doanh đưa doanh nghiệp của mình này càng phát triển.

+ Kinh doanh phải có sự vận động của dòng vốn: Vốn là yếu tố quyết định cho công việc kinh doanh, không có vốn thì không thể có hoạt động kinh doanh. Chủ thể kinh doanh sử dụng vốn mua nguyên liệu, thiết bị sản xuất, thuê lao động...

+ Mục đích chủ yếu của hoạt động kinh doanh là lợi nhuận.

### **1.2. Khái niệm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.**

Trong cơ chế thị trường hiện nay ở nước ta, mọi doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh (doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn...) đều có mục tiêu bao trùm lâu dài là tối đa hoá lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu này mọi doanh nghiệp phải xây dựng cho mình một chiến lược kinh doanh và phát triển doanh nghiệp thích ứng với các biến động của thị trường, phải thực hiện việc xây dựng các kế hoạch kinh doanh, các phương án kinh doanh, phải kế hoạch hoá các hoạt động của doanh nghiệp và đồng thời phải tổ chức thực hiện chúng một cách có hiệu quả.

Trong quá trình tổ chức xây dựng và thực hiện các hoạt động quản trị trên, các doanh nghiệp phải luôn kiểm tra, đánh giá tính hiệu quả của chúng. Muốn kiểm tra đánh giá các hoạt động sản xuất kinh doanh chung của toàn doanh nghiệp cũng như từng lĩnh vực, từng bộ phận bên trong doanh nghiệp thì doanh nghiệp không thể không thực hiện việc tính hiệu quả kinh tế của các hoạt động sản xuất kinh doanh đó. Vậy thì hiệu quả kinh tế của các hoạt động sản xuất kinh doanh (hiệu quả sản xuất kinh doanh) là gì ?

Hiệu quả kinh doanh là phạm trù kinh tế phản ánh trình độ sử dụng nguồn lực sẵn có của doanh nghiệp cũng như của nền kinh tế để thực hiện mục tiêu đề ra.

$$\text{Hiệu quả kinh doanh} = \frac{\text{kết quả đầu ra}}{\text{Chi phí đầu vào}}$$

Hiệu quả chính là lợi ích tối đa thu được trên chi phí tối thiểu. Hiệu quả kinh doanh là kết quả “đầu ra” tối đa trên chi phí tối thiểu “đầu vào”.

Vậy hiệu quả kinh doanh là toàn bộ quá trình doanh nghiệp sử dụng hợp lý các nguồn lực sẵn có của mình: vốn, lao động, kỹ thuật... trong hoạt động kinh doanh để đạt được những kết quả mong muốn, cụ thể là tối đa hoá lợi nhuận

### **1.3 Bản chất của hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.**

Để hiểu rõ bản chất của phạm trù hiệu quả kinh doanh ta cần phân biệt rõ ranh giới giữa hai phạm trù hiệu quả kinh doanh và kết quả kinh doanh.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là những gì mà doanh nghiệp đạt được sau một quá trình kinh doanh, kết quả sản xuất kinh doanh là mục tiêu cần thiết của mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ kinh doanh. Kết quả được phản ánh bằng chỉ tiêu định tính như số lượng sản phẩm tiêu thụ, doanh nghiệp, lợi nhuận... và cũng có thể phản ánh bằng chỉ tiêu định lượng như uy tín, chất lượng sản phẩm.

Cần chú ý rằng chỉ tiêu định ra và chỉ tiêu định lượng của một thời kỳ kinh doanh nào đó thường là rất khó xác định bởi nhiều lý do như kết quả không chỉ là sản phẩm hoàn chỉnh mà còn là sản phẩm dở dang, bán thành phẩm... Hơn nữa hầu như quá trình sản xuất lại tách rời quá trình tiêu thụ nên ngay cả sản phẩm sản xuất xong ở một thời kỳ nào đó cũng chưa thể khẳng định được liệu sản phẩm đó có tiêu thụ được không và bao giờ thì tiêu thụ được và thu được tiền về.

Trong khi đó hiệu quả là phạm trù phản ánh trình độ lợi dụng các nguồn lực sản xuất. Trình độ lợi dụng các nguồn lực không thể đo bằng các đơn vị hiện vật hay giá trị mà là một phạm trù tương đối.

Cần chú ý rằng trình độ lợi dụng các nguồn lực chỉ có thể được phản ánh bằng số tương đối: tỉ số giữa kết quả và hao phí nguồn lực.

Từ đó có thể khẳng định, bản chất của hiệu quả sản xuất kinh doanh là phản ánh mặt chất lượng của các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, phản ánh trình độ lợi dụng các nguồn lực để đạt được các mục tiêu của doanh nghiệp.

### **1.4. Vai trò của hiệu quả sản xuất kinh doanh.**

-Đối với doanh nghiệp:

Hiệu quả là điều kiện tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Hiệu quả giữ một vị trí hết sức quan trọng trong điều kiện hạch toán kinh doanh theo cơ chế “lấy thu bù chi và đảm bảo có lãi” thì doanh nghiệp có tồn tại và phát triển được hay không điều đó phụ thuộc vào việc doanh nghiệp có tạo ra được lợi nhuận và nhiều lợi nhuận hay không? Hiệu quả có tác động đến tất cả các hoạt động, quyết định trực tiếp đến tình hình tài chính của doanh nghiệp. Hiệu quả của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh chính là điều kiện quan trọng nhất đảm bảo sản xuất nhằm nâng cao số lượng và chất lượng của hàng hóa, giúp doanh nghiệp củng cố được vị trí, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, xây dựng cơ sở vật

chất, mua sắm thiết bị đầu tư công nghệ mới góp phần vào lợi ích xã hội. Nếu doanh nghiệp làm ăn không hiệu quả, không bù đắp được những chi phí bỏ ra thì đương nhiên doanh nghiệp khó đứng vững, tất yếu dẫn đến phá sản.

Như vậy, hiệu quả sản xuất kinh doanh đối với doanh nghiệp là hết sức quan trọng, nó quyết định sự sống còn của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường, nó giúp cho doanh nghiệp chiếm lĩnh được thị trường, đạt được thành quả to lớn.

-Đối với kinh tế xã hội:

Việc doanh nghiệp đạt được hiệu quả sản xuất kinh doanh có vai trò hết sức quan trọng đối với chính bản thân doanh nghiệp cũng như đối với xã hội. Nó tạo ra tiền đề vững chắc cho sự phát triển của doanh nghiệp cũng như đối với xã hội, trong đó mỗi doanh nghiệp chỉ là một cá thể, nhiều các thể vững mạnh và phát triển cộng lại sẽ tạo ra nền kinh tế xã hội phát triển bền vững.

Doanh nghiệp kinh doanh tốt, làm ăn có hiệu quả thì doanh nghiệp mang lại lợi ích cho nền kinh tế xã hội, tạo ra việc làm, nâng cao đời sống dân cư, trình độ dân trí được đẩy mạnh, tạo điều kiện nâng cao mức sống cho người lao động, thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Khi doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả thì phần thuế đóng vào ngân sách nhà nước tăng giúp nhà nước xây dựng thêm cơ sở hạ tầng, đào tạo nhân tài, mở rộng quan hệ quốc tế. Điều này không những tốt cho doanh nghiệp mà còn tốt đối với sự phát triển kinh tế toàn xã hội.

### **1.5. Ý nghĩa của việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh:**

Đối với toàn bộ nền kinh tế xã hội: Hiệu quả sản xuất kinh doanh càng được nâng cao thì quan hệ sản xuất càng được củng cố, lực lượng sản xuất phát triển góp phần thúc đẩy nền kinh tế xã hội phát triển.

Đối với doanh nghiệp: Hiệu quả sản xuất kinh doanh không những là thước đo giá trị chất lượng, phản ánh trình độ tổ chức và quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn là cơ sở để duy trì sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Ngoài ra, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh còn là nhân tố thúc đẩy cạnh tranh và tự hoàn thiện bản thân doanh nghiệp trong cơ chế thị trường hiện nay, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh để đảm bảo cho doanh nghiệp tồn tại và phát triển lâu dài.

Đối với người lao động: Hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cao mới đảm bảo cho người lao động có việc làm ổn định, đời sống tinh thần vật chất cao, thu nhập cao và ngược lại. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh

nghiệp tác động đến người lao động. Một doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả sẽ kích thích được người lao động làm việc hưng phấn hơn, hăng say hơn. Vì hiệu quả sản xuất kinh doanh chi phối rất nhiều tới thu nhập của người lao động, ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

### **1.6. Mục đích của phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh**

Theo quá trình phân tích trên thì mục đích của quá trình phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh là:

- Phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh là công cụ cung cấp thông tin để điều hành hoạt động kinh doanh cho các nhà quản trị doanh nghiệp. Vì những thông tin này không có sẵn trong báo cáo kế toán tài chính hoặc bất kỳ tài liệu nào của doanh nghiệp mà phải qua quá trình phân tích mới thấy được.
- Thông qua quá trình phân tích ta thấy được hững mặt mạnh và mặt yếu của công ty đó và từ đó có những biện pháp thích hợp nhằm phát huy mặt mạnh đồng thời khắc phục những mặt yếu, đề ra những phương án kinh doanh tốt nhất giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

### **1.7. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.**

Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh đó chính là việc nâng cao hiệu quả tất cả các hoạt động trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp chịu sự tác động của rất nhiều các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm mục đích thấy được sự ảnh hưởng có tính tích cực hay tiêu cực của các nhân tố đó, xây dựng những chiến lược cho doanh nghiệp nhằm tận dụng những thuận lợi và có biện pháp khắc phục những khó khăn để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

#### **1.7.1. Nhân tố khách quan**

##### **1.7.1.1. Môi trường kinh tế**

Môi trường kinh tế là nhân tố khách quan tác động rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trước hết phải kể đến các chính sách đầu tư, chính sách phát triển kinh tế, chính sách cơ cấu... của Nhà nước. Một thay đổi nhỏ trong chính sách của Nhà nước cũng có thể ảnh hưởng rất lớn đến các doanh nghiệp thuộc các ngành vùng kinh tế nhất định. Việc tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh, không để các ngành, vùng kinh tế nào phát triển theo xu hướng cung

vượt cầu, việc xử lý tốt các mối quan hệ kinh tế đối ngoại, quan hệ tỷ giá hối đoái, việc đưa ra các chính sách thuế phù hợp với trình độ kinh tế và đảm bảo tính công bằng,... đều là những vấn đề hết sức quan trọng, tác động rất lớn đến kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp có liên quan.

#### **1.7.1.2. Môi trường pháp lý.**

Môi trường pháp lý gồm: Luật, văn bản dưới luật,... Mọi quy định pháp luật của quốc gia mà rõ ràng, đầy đủ, nhất quán và mở rộng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tính nghiêm minh của luật pháp thể hiện trong môi trường thực tế ở mức độ nào cũng tác động mạnh mẽ đến kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp.

#### **1.7.1.3. Môi trường công nghệ**

Công nghệ được định nghĩa là tập hợp của các yếu tố phần cứng (thiết bị máy móc) với tư cách là những yếu tố hữu hình và phần mềm (phương pháp, bí quyết, kỹ năng, quy trình...) với tư cách là những yếu tố vô hình. Hiện nay, cùng với nguồn nhân lực, xu hướng phát triển khoa học kỹ thuật công nghệ và tình hình ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ trên thế giới cũng như trong nước có ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất, chất lượng sản phẩm, tức là ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Năng lực công nghệ ngày càng trở thành yếu tố quyết định khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Sự thay đổi của công nghệ có ảnh hưởng tới chu kỳ sống của một sản phẩm hoặc dịch vụ, nó có thể kéo dài chu kỳ sống của sản phẩm, do đó hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sẽ được nâng cao.

Nhìn chung môi trường công nghệ có ảnh hưởng tới trình độ kỹ thuật công nghệ và khả năng đổi mới kỹ thuật công nghệ của doanh nghiệp, do đó ảnh hưởng tới năng suất, chất lượng sản phẩm tức là ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **1.7.1.4. Nhân tố môi trường tự nhiên**

Môi trường tự nhiên bao gồm các nhân tố như khí hậu, thời tiết, mùa vụ, tài nguyên thiên nhiên, vị trí địa lý... Những nhân tố này ảnh hưởng rất lớn tới quy trình công nghệ, tiến độ thực hiện sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng mang tính mùa vụ hay trong lĩnh vực khai thác.

#### **1.7.1.5 Đối thủ cạnh tranh**



Đôi thủ cạnh tranh có ảnh hưởng rất lớn đến việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì nếu doanh nghiệp kinh doanh trong môi trường cạnh tranh gay gắt, đôi thủ cạnh tranh mạnh mẽ tồn tại được thì doanh nghiệp phải ngày càng phát triển bằng cách nâng cao chất lượng sản phẩm, mẫu mã chủng loại đa dạng hay hạ giá thành sản phẩm để đẩy mạnh tốc độ tiêu thụ, tăng doanh thu, tăng vòng quay của vốn.

### **1.7.2. Nhân tố chủ quan**

Là nhóm nhân tố mà doanh nghiệp có thể kiểm soát được cũng như có thể điều chỉnh ảnh hưởng của nó.

#### **1.7.2.1. Lực lượng lao động.**

Người ta thường nhắc đến luận điểm ngày nay khoa học kỹ thuật công nghệ đã trở thành lực lượng lao động trực tiếp. Áp dụng kỹ thuật tiên tiến là điều kiện tiên quyết để tăng hiệu quả sản xuất của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong thực tế, máy móc thiết bị dù tối tân đến đâu mà không có con người sử dụng thì không thể phát huy hết tác dụng. Ngược lại nếu có máy móc thiết bị hiện đại mà con người không có trình độ sử dụng, trình độ kỹ thuật thì không những không tăng được hiệu quả sản xuất kinh doanh mà còn tốn kém chi phí bảo dưỡng, sửa chữa vì những sai lầm, hỏng hóc do không biết sử dụng gây ra. Ngày nay, sự phát triển của khoa học kỹ thuật đã thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế tri thức, đòi hỏi lực lượng lao động phải có trình độ kỹ thuật cao. Điều này chứng tỏ vai trò rất quan trọng của lực lượng lao động đối với việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

#### **1.7.2.2 Cơ sở vật chất-kỹ thuật.**

Cơ sở vật chất kỹ thuật là yếu tố hết sức quan trọng tạo ra tiềm năng tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng cho khách hàng sản phẩm tốt, thoả mãn cả những nhóm khách hàng đòi hỏi sản phẩm có thuộc tính đặc biệt dẫn đến tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

#### **1.7.2.3 Nhân tố quản trị trong doanh nghiệp.**

Trong cơ chế thị trường, càng ngày nhân tố quản trị càng đóng vai trò quan trọng với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nó ảnh hưởng trực tiếp đến thành công hay thất bại của doanh nghiệp. Muốn tồn tại và phát triển doanh nghiệp phải chiến thắng trong cạnh tranh. Các lợi thế về chất lượng và sự khác biệt hoá sản phẩm giá cả và tốc độ cung ứng đảm bảo cho doanh nghiệp chiến thắng trong cạnh tranh phụ thuộc chủ yếu vào nhân quan và khả năng quản trị của các

nhà quản lý. Đến nay, người ta khẳng định ngay cả đối với việc đảm bảo và ngày càng nâng cao chất lượng sản phẩm của một doanh nghiệp cũng chịu ảnh hưởng nhiều của nhân tố quản trị chứ không phải của nhân tố kỹ thuật. Ngoài ra, việc lựa chọn bộ máy quản trị phù hợp với từng doanh nghiệp sẽ giúp cho quá trình sản xuất trôi chảy, có thể kết hợp các nguồn lực đầu vào tối ưu nhất để từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

## **1.8. . Các phương pháp phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh.**

### **1.8.1 Phương pháp so sánh:**

So sánh là phương pháp được sử dụng phổ biến trong phân tích để xác định xu hướng, mức độ biến động của chỉ tiêu phân tích. Để tiến hành so sánh ta cần phải giải quyết các vấn đề cơ bản như: xác định số gốc so sánh, xác định điều kiện so sánh, mục tiêu so sánh.

Gốc để so sánh ở đây có thể là các trị số của các chỉ tiêu kỳ trước, kỳ kế hoạch hoặc cùng kỳ năm trước (so sánh theo thời gian), có thể là so sánh mức đạt được của các đơn vị với một đơn vị được chọn làm gốc so sánh – đơn vị điển hình trong một lĩnh vực kinh doanh nào đó (so sánh theo không gian).

Khi tiến hành so sánh theo thời gian cần chú ý phải đảm bảo được tính thống nhất về mặt kinh tế, về phương pháp tính các chỉ tiêu, đơn vị tính các chỉ tiêu cả về số lượng thời gian và giá trị.

Mục tiêu so sánh trong phân tích kinh doanh là xác định mức độ biến động tuyệt đối, tương đối, cùng biến động xu hướng của chỉ tiêu phân tích.

- So sánh tuyệt đối:  $\Delta = C1 - C_0$

- So sánh tương đối:  $\% \Delta = \frac{C1}{C_0} \times 100$

Trong đó:  $C_0$ : Số liệu kỳ gốc.

$C1$ : Số liệu kỳ phân tích.

### **1.8.2. Phương pháp thay thế liên hoàn (loại trừ dần)**

Trong phân tích kinh doanh, nhiều trường hợp cần nghiên cứu ảnh hưởng của các nhân tố đến kết quả sản xuất kinh doanh nhờ phương pháp loại trừ. Loại trừ là phương pháp xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến kết quả sản xuất kinh doanh bằng cách loại trừ ảnh hưởng của các nhân tố khác.

Tính chất của phương pháp này là thay thế dần số liệu gốc bằng số liệu thực tế của một nhân tố ảnh hưởng nào đó. Nhân tố được thay thế đó sẽ phản ánh mức độ ảnh hưởng của nó đến chỉ tiêu được phân tích với giả thiết các nhân tố khác là

không đổi.

### **1.8.3. Phương pháp liên hệ.**

Mọi kết quả kinh doanh đều có mối liên hệ mật thiết với nhau giữa các mặt, bộ phận... Để lượng hóa được mối liên hệ đó, ngoài các phương pháp đã nêu, trong phân tích kinh doanh còn phổ biến cách nghiên cứu mối liên hệ như: liên hệ cân đối, liên hệ trực tuyến, liên hệ phi tuyến. - Liên hệ cân đối: Có cơ sở là sự cân bằng về lượng giữa hai mặt của các yếu tố trong kinh doanh. Mọi liên hệ cân đối về lượng của các yếu tố dẫn đến sự cân bằng cả về mức biến động (chênh lệch) về lượng giữa các mặt của các yếu tố và quá trình kinh doanh. - Liên hệ trực tuyến: Là mối liên hệ theo một hướng xác định giữa các chỉ tiêu phân tích. Ví dụ như: lợi nhuận tỷ lệ thuận với lượng hàng bán ra, giá bán tỷ lệ thuận với giá thành, thuế.

- Liên hệ phi tuyến: Là mối liên hệ giữa các chỉ tiêu trong đó mức độ liên hệ không được xác định theo tỷ lệ và chiều hướng liên hệ luôn biến đổi. Thông thường, chỉ có phương pháp liên hệ cân đối là được dùng phổ biến, còn lại hai phương pháp liên hệ trực tuyến và liên hệ phi tuyến là ít dùng.

### **1.8.4. Phương pháp chi tiết.**

Mọi kết quả kinh doanh đều cần thiết và có thể chi tiết theo những hướng khác nhau. Thông thường trong phân tích, phương pháp chi tiết được thực hiện theo những hướng sau: - Phương pháp chi tiết theo các bộ phận cấu thành. Nội dung của phương pháp: Chỉ tiêu phân tích được nghiên cứu là quan hệ cấu thành của nhiều nhân tố, thường được biểu hiện bằng một phương trình kinh tế có nhiều tích số. Các nhân tố khác nhau có tên gọi khác nhau, đơn vị tính khác nhau. - Phương pháp chi tiết theo thời gian. Nội dung phương pháp: Chia chỉ tiêu tích số trong một khoảng thời gian thành các bộ phận nhỏ hơn là tháng, quý. Mục đích của phương pháp: + Đánh giá năng lực và việc tận dụng các năng lực theo thời gian. + Đánh giá việc hoàn thành các chỉ tiêu về tính vững chắc, ổn định. + Phát hiện những nhân tố, nguyên nhân có tính quy luật theo thời gian để có giải pháp phát triển doanh nghiệp một cách phù hợp với quy luật, tận dụng tối đa năng lực sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế.

- Phương pháp chi tiết theo địa điểm. Nội dung phương pháp: Chia số chỉ tiêu phân tích thành các bộ phận nhỏ hơn theo không gian. Mục đích của phương pháp: + Đánh giá vai trò, tầm quan trọng của từng bộ phận không gian đối với kết quả và biến động của chỉ tiêu. + Đánh giá tính hợp lý và hiệu quả của các phương pháp tổ chức quản lý doanh nghiệp đối với từng bộ phận không gian. Qua đó có

những giải pháp, biện pháp nhằm cải tiến, nâng cao không ngừng chất lượng và hiệu quả các phương pháp quản lý.

+ Xác định các tập thể và cá nhân có tính điển hình và tiên tiến, những kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh để có những giải pháp nhân rộng, phát triển.

#### **1.8.5. Phương pháp cân đối.**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hình thành rất nhiều mối quan hệ cân đối về lượng giữa hai mặt của các yếu tố và quá trình kinh doanh. Dựa vào các mối quan hệ cân đối này, người phân tích sẽ xác định được ảnh hưởng của các nhân tố đến sự biến động của chỉ tiêu phân tích.

#### **1.8.6. Phương pháp hồi quy tương quan.**

Hồi quy và tương quan là các phương pháp của toán học được vận dụng trong phân tích kinh doanh để biểu hiện và đánh giá mối liên hệ tương quan giữa các chỉ tiêu kinh tế. Phương pháp tương quan là quan sát mối liên hệ giữa một tiêu thức kết quả và một hoặc nhiều tiêu thức nguyên nhân, nhưng ở dạng liên hệ thực. Còn hồi quy là một phương pháp xác định độ biến thiên của tiêu thức kết quả theo sự biến thiên của tiêu thức nguyên nhân. Nếu quan sát đánh giá mối liên hệ giữa một tiêu thức kết quả và một tiêu thức nguyên nhân gọi là tương quan đơn và ngược lại gọi là tương quan bội.

#### **1.9. Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh.**

Để đánh giá chính xác có cơ sở khoa học hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cần phải xây dựng các chỉ tiêu phù hợp bao gồm các chỉ tiêu chi tiết. Các chỉ tiêu chi tiết đó phải phản ánh được sức sản xuất, các hao phí cũng như sức sinh lợi của từng yếu tố, từng loại vốn.

##### **1.9.1. Nhóm chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn sản xuất kinh doanh.**

Hiệu suất sử dụng vốn (Hv) là tỷ số giữa doanh thu trong kỳ và tổng số vốn phục vụ sản xuất kinh doanh trong kỳ.

$$\text{Hiệu suất sử dụng vốn} = \frac{\text{Tổng doanh thu trong kỳ}}{\text{Tổng nguồn vốn sản xuất kinh doanh trong kỳ}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh cứ một đồng vốn bỏ ra sản xuất kinh doanh trong kỳ thì đem lại bao nhiêu đồng doanh thu. Chỉ tiêu này biểu thị khả năng tạo ra kết quả sản

xuất kinh doanh của một đồng vốn. H<sub>v</sub> càng cao thì biểu thị hiệu quả kinh tế càng lớn.

Mức hao phí vốn được tính theo công thức:

$$\text{Mức hao phí vốn} = \frac{\text{Tổng vốn sản xuất kinh doanh trong kỳ}}{\text{Tổng doanh thu trong kỳ}}$$

Tỷ số này nói lên rằng muốn có được một đồng doanh thu thì cần bao nhiêu đồng vốn đưa vào sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Hiệu quả sử dụng vốn được thể hiện thông qua công thức sau:

$$\text{Hiệu suất sử dụng vốn} = \frac{\text{LNst( hoặc LN tt)}}{\text{Tổng số vốn sản xuất kinh doanh trong kỳ}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh cứ một đồng vốn bỏ ra sản xuất kinh doanh trong kỳ thì thu được bao nhiêu đồng lợi nhuận trước thuế (LN<sub>tt</sub>) hoặc lợi nhuận sau thuế (LN<sub>st</sub>).

### 1.9.2. Khả năng thanh toán.

#### A- Hệ số thanh toán tổng quát (H1).

Chỉ tiêu này phản ánh năng lực thanh toán tổng thể của doanh nghiệp trong kỳ kinh doanh, cho biết một đồng cho vay thì có mấy đồng đảm bảo.

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Tổng số nợ phải trả}}$$

Nếu trị số này của doanh nghiệp luôn  $\geq 1$  thì doanh nghiệp đảm bảo được khả năng thanh toán và ngược lại, trị số này càng nhỏ hơn 1 bao nhiêu thì doanh nghiệp càng mất dần khả năng thanh toán bấy nhiêu.

#### B- Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (H2).

Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn hay hệ số khả năng thanh toán hiện thời cho thấy khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn mà doanh nghiệp phải thanh toán trong vòng 1 năm hay 1 chu kỳ kinh doanh là cao hay thấp.

Nếu chỉ tiêu này  $\approx 1$  thì doanh nghiệp có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và tình hình tài chính của doanh nghiệp là bình thường hoặc khả quan. Ngược lại, nếu hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn càng nhỏ hơn 1 thì càng chứng tỏ khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của doanh nghiệp càng thấp.

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn} = \frac{\text{tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng số nợ ngắn hạn}}$$

#### C- Hệ số khả năng thanh toán nhanh (H3).

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tiền và các khoản tương đương tiền}}{\text{Tổng số nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số khả năng thanh toán nhanh là chỉ tiêu được dùng để đánh giá khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp bằng tiền (tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển) và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Thực tế cho thấy, nếu hệ số khả năng thanh toán nhanh > 0,5 thì tình hình thanh toán của doanh nghiệp là tương đối khả quan. Nếu < 0,5 thì doanh nghiệp có thể gặp khó khăn trong việc thanh toán công nợ, có thể phải bán gấp hàng hóa, sản phẩm để trả nợ vì không đủ tiền thanh toán.

#### ***D- Hệ số thanh toán lãi vay.***

Lãi vay phải trả là một khoản chi phí cố định, nguồn để trả lãi vay là lợi nhuận

gộp sau khi đã trừ đi chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng. So sánh giữa nguồn để trả lãi vay với lãi vay phải trả sẽ cho chúng ta biết doanh nghiệp đã sẵn sàng trả lãi vay tới mức độ nào.

$$\text{Hệ số thanh toán lãi vay} = \frac{\text{LNtt và lãi vay}}{\text{Lãi vay phải trả trong kì}}$$

### **1.9.3. Các hệ số về cơ cấu Nguồn vốn và cơ cấu Tài sản.**

#### ***- Hệ số nợ:***

$$\text{Hệ số nợ} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng nguồn vốn}}$$

Hệ số nợ phản ánh trong một đồng vốn hiện doanh nghiệp đang sử dụng sản xuất kinh doanh có mấy đồng vốn đi vay. Hệ số nợ càng cao tính độc lập của doanh nghiệp càng kém. Tuy nhiên doanh nghiệp có lợi vì được sử dụng một nguồn tài sản lớn mà chỉ đầu tư trong lượng vốn nhỏ, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh. Do khả năng đảm bảo sự chi trả các khoản nợ từ nguồn vốn là thấp dẫn đến mất sự tin tưởng của khách hàng và các nhà đầu tư, rủi ro trong kinh doanh là lớn, không an toàn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### ***- Tỷ suất tự tài trợ TSCĐ:***

$$\text{Tỷ suất tự tài trợ TSCĐ} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{TSCĐ và đầu tư dài hạn}}$$

Nếu tỷ suất này > 1, chứng tỏ khả năng tài chính của doanh nghiệp là vững vàng, lành mạnh. Ngược lại, nếu tỷ suất này < 1, nghĩa là một bộ phận của tài sản cố định (TSCĐ) được tài trợ bằng vốn vay và đặc biệt mạo hiểm là vốn vay ngắn

hạn.

**- Cơ cấu tài sản:**

Là một dạng tỷ suất phản ánh khi doanh nghiệp sử dụng bình quân một đồng vốn kinh doanh thì dành ra bao nhiêu để hình thành tài sản ngắn hạn và bao nhiêu cho tài sản dài hạn.

Tỷ suất phản ánh cơ cấu tài sản của doanh nghiệp:

$$\text{Tỷ suất đầu tư vào Tài sản dài hạn} = \frac{\text{TS dài hạn}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Tỷ suất đầu tư vào tài sản càng lớn càng thể hiện mức độ quan trọng của TSCĐ.

Trong tổng tài sản mà doanh nghiệp đang sử dụng và kinh doanh, phản ánh tình hình trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, năng lực sản xuất và xu hướng tăng lâu dài cũng như khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Tuy nhiên để kết luận tỷ suất này là tốt hay xấu còn tùy thuộc vào ngành nghề kinh doanh của từng doanh nghiệp trong từng thời kỳ cụ thể.

$$\text{Cơ cấu tài sản} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{tài sản dài hạn}}$$

**1.9.4. Các chỉ số về hoạt động.**

**- Vòng quay hàng tồn kho (HTK).**

$$\text{Số vòng quay HTK} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{HTK bình quân}}$$

Số vòng quay HTK là số lần mà hàng hóa tồn kho bình quân luân chuyển trong kỳ.

Số vòng quay HTK càng cao thì thời gian luân chuyển một vòng càng ngắn. Điều này chứng tỏ sản phẩm của doanh nghiệp được tiêu thụ mạnh, nguyên vật liệu đầu vào cũng được sử dụng liên tục, điều này làm cho giá nguyên vật liệu xuất kho thấp, dẫn đến giá thành sản phẩm giảm, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm.

**- Số ngày một vòng quay HTK.**

$$\text{Số ngày một vòng quay HTK} = \frac{360 \text{ ngày}}{\text{Số vòng quay HTK trong kì}}$$

**- Vòng quay các khoản phải thu.**

$$\text{Vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Bình quân các khoản phải thu}}$$

Số vòng quay càng lớn chứng tỏ tốc độ thu hồi các khoản phải thu của doanh nghiệp càng nhanh, giúp cho doanh nghiệp quay vòng vốn nhanh hơn, tạo ra hiệu quả khi sử dụng vốn, không bị các doanh nghiệp khác chiếm dụng vốn. Đây luôn là vấn đề mà các doanh nghiệp quan tâm.

- *Kỳ thu tiền bình quân.*

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân} = \frac{360 \text{ ngày}}{\text{Vòng quay các khoản phải thu}}$$

Vòng quay kỳ thu tiền bình quân nhỏ chứng tỏ doanh nghiệp luôn đảm bảo thu hồi vốn kinh doanh một cách nhanh nhất, các khoản tiền được luân chuyển nhanh, không bị chiếm dụng vốn.

**1.9.5. Tỷ số sinh lợi.**

Tỷ số sinh lợi đo lường thu nhập của Công ty với các nhân tố khác tạo ra lợi nhuận như doanh thu, tổng tài sản, vốn cổ phần.

Loại tỷ số này bao gồm các chỉ tiêu sau:

- *Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu (DT).*

$$\text{Tỷ suất sinh lợi trên DT} = \frac{\text{LN ròng}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100$$

Chỉ tiêu này phản ánh một đồng doanh thu tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận.

- *Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (ΣTS)*

$$\text{Tỷ suất sinh lợi trên } \Sigma\text{TS} = \frac{\text{LN ròng}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100$$

Chỉ tiêu này đo lường khả năng sinh lợi trên một đồng vốn đầu tư vào Công Ty

- *Tỷ suất sinh lợi trên vốn cổ phần (VCP).*

$$\text{Tỷ suất sinh lợi trên VCP} = \frac{\text{LN ròng}}{\text{Vốn cổ phần}} \times 100$$

Đây là chỉ tiêu mà nhà đầu tư rất quan tâm vì nó cho thấy khả năng tạo lãi của một đồng vốn họ bỏ ra để đầu tư vào Công ty.

Sự khác nhau giữa tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản và tỷ suất sinh lợi trên vốn cổ phần là do Công ty có sử dụng vốn vay. Nếu Công ty không có vốn vay thì hai tỷ số này sẽ bằng nhau.

**1.9.6. Hiệu quả sử dụng chi phí.**

- *Hiệu quả sử dụng nhiên liệu (NL).*



$$\text{Hiệu quả sử dụng NL} = \frac{\text{LN thuần}}{\text{Tổng chi phí NL}}$$

Ý nghĩa của tỷ số này là: Cứ một đồng chi phí nhiên liệu sẽ tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận thuần.

- *Hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu (NVL).*

$$\text{Hiệu quả sử dụng NVL} = \frac{\text{LN thuần}}{\text{chi phí NVL}}$$

Chỉ tiêu này thể hiện cứ một đồng chi phí nguyên vật liệu bỏ ra thì thu được bao nhiêu đồng lợi nhuận thuần.

- *Hiệu quả sử dụng chi phí.*

$$\text{Hiệu quả sử dụng chi phí} = \frac{\text{LN thuần}}{\text{Tổng chi phí}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh cứ một đồng chi phí bỏ ra thì thu được bao nhiêu đồng lợi nhuận.

- *Hiệu quả sử dụng chi phí tiền lương.*

$$\text{Hiệu quả sử dụng chi phí tiền lương} = \frac{\text{LN}}{\text{Tổng quỹ lương}}$$

Tỷ số này cho biết với một đồng tiền lương bỏ ra thì thu được bao nhiêu đồng lợi nhuận ròng.

**1.9.7. Hiệu suất sử dụng máy móc, trang thiết bị (MMTTB).**

$$\text{Hiệu suất sử dụng MMTTB} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Số giờ sử dụng MMTTB}}$$

Tỷ số này phản ánh cứ một giờ sử dụng máy móc trang thiết bị thì thu được bao nhiêu đồng doanh thu.

**1.9.8. Hiệu suất sử dụng lao động.**

$$\text{Hiệu suất sử dụng lao động} = \frac{\text{Tổng doanh thu trong kỳ}}{\text{Tổng số lao động trong kỳ}}$$

Hiệu suất sử dụng lao động phản ánh một lao động tạo ra được bao nhiêu đồng doanh thu. Đây thực chất là chỉ tiêu năng suất lao động của doanh nghiệp. Tỷ số này cao chứng tỏ Doanh nghiệp sử dụng lao động một cách hợp lý, khai thác được sức lao động trong sản xuất kinh doanh.

$$\text{Hiệu quả sử dụng lao động} = \frac{\text{LN trong kỳ}}{\text{Tổng số lao động trong kỳ}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh một lao động trong kỳ đã tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận.



Phần II: Giới thiệu khái quát chung về Công ty Cổ phần cảng Hải Phòng- chi nhánh  
Cảng Chùa Vẽ

**2.1 Quá trình hình thành và phát triển của Cảng Hải Phòng**

**2.1.1 Khái quát về Cảng Hải Phòng**

Tên công ty: Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

Tên giao dịch: Cảng Hải Phòng

Tên tiếng anh: PORT OF HAI PHONG

Địa chỉ: 8A Trần Phú- Máy Tơ- Ngô Quyền- Tp Hải Phòng.

Điện thoại : + 00.84.31.3859824/3859945/3859456/3859953

Fax + 00.84.031.3859973/3836943

Email: [haiphongport@hn.vnn.vn](mailto:haiphongport@hn.vnn.vn)/ [it-haiphongport@hn.vnn.vn](mailto:it-haiphongport@hn.vnn.vn)

Website: [www.haiphongport.com.vn](http://www.haiphongport.com.vn)

Ban lãnh đạo:

Họ tên	Chức vụ
<b>Phùng Xuân Hà</b>	Chủ tịch HĐQT
<b>Nguyễn Hùng Việt</b>	Tổng Giám đốc
<b>Bùi Chiến Thắng</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Trương Văn Thái</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Cao Trung Ngoan</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Phạm Hồng Minh</b>	Phó Tổng Giám đốc
<b>Phan Tuấn Linh</b>	Phó Tổng Giám đốc

Các đơn vị trực thuộc và công ty con:

- Chi nhánh cảng Tân Vũ
- Chi nhánh cảng Chùa Vẽ
- Chi nhánh cảng Bạch Đằng
- Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu
- Công ty TNHH một thành viên trung tâm y tế cảng Hải Phòng
- Công ty TNHH một thành viên đào tạo KTNV cảng Hải Phòng
- Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ

- Công ty cổ phần Lai dắt và vận tải Cảng Hải Phòng

Các dịch vụ chính của cảng:

- Bốc xếp, giao nhận, lưu trữ hàng hóa
- Trung chuyển hàng hóa, container quốc tế
- Dịch vụ đại lý vận tải
- Dịch vụ logistic container chuyên tuyến Hải Phòng-Lào Cai bằng đường sắt
- Dịch vụ đóng gói, vận tải hàng hải đường bộ, đường sông
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải
- Các dịch vụ hỗ trợ:
- Chuyển tải tại các vùng nước Hại Long, Lan Hạ, Bạch Đằng, Lạch Huyện
- Đóng bao các loại hàng rời
- Hỗ trợ các loại tàu cập cảng
- Vận tải bằng đường sắt, đường bộ
- Vận tải thủy nội địa

### **2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Cảng Hải Phòng**

Ngày 15/3/1874, triều đình Huế kí “Hiệp ước hòa bình về liên minh” trong đó nhà Nguyễn dâng cho Pháp toàn bộ đất Hải Phòng và quyền kiểm soát bến Ninh Hải( tức khu vực cảng Hải Phòng ngày nay). Từ đấy thực dân Pháp bắt tay vào xây dựng cảng nhằm biến bến thuyền làng Cấm thành một quân cảng và thương cảng lớn phục vụ ý đồ xâm lược của chúng.

Năm 1876, Cảng bắt đầu được hình thành và đưa vào sử dụng. Công trình đầu tiên có quy mô lớn là hệ thống nhà kho bao gồm 6 kho, nên được gọi là Bến 6 kho.

Trải qua 139 năm tồn tại và phát triển, Cảng Hải Phòng luôn luôn đóng vai trò là cửa khẩu giao lưu quan trọng của đất nước. Hàng hóa xuất nhập khẩu của 17 tỉnh phía Bắc và hàng hóa quá cảnh của Bắc Lào và Nam Trung Quốc thông qua cảng đã đến với thị trường các nước và ngược lại.

Trước Cách mạng tháng 8 và trong kháng chiến chống thực dân Pháp, cảng từng là đầu mối giao thông liên lạc, vận chuyển tài liệu và đã đón các đồng chí lãnh đạo Đảng ta ra nước ngoài và từ nước ngoài về hoạt động cách mạng.

Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cán bộ đảng viên và công nhân Cảng là một trong những lực lượng chủ lực phá thế bao vây phong tỏa cảng, đảm nhiệm bốc xếp, vận chuyển khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu to lớn phục vụ cho sự nghiệp chi viện giải phóng miền Nam.

Sau ngày giải phóng Hải Phòng( 13/5/1955), cảng Hải Phòng và nhân dân thành phố bước vào công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh. Được sự giúp đỡ của bộ hàng hải Liên Xô từ cuối những năm 60, hệ thống cầu cảng đã được xây dựng lại để đón nhận các loại tàu có trọng tải 10.000DWT được trang bị hệ thống cần trục chân đế có sức nâng từ 5-16 tấn, cần cầu nổi với sức nâng 90 tấn và hàng trăm xe vận chuyển các loại, hàng nghìn tấn sà lan biển cùng các cơ xưởng tương đối hiện đại đáp ứng kịp thời yêu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa giữa nước ta với nước ngoài.

Sau sự biến động của Đông Âu làm mất đi thị trường truyền thống, cơ cấu hàng hóa thay đổi lớn, lượng tàu hàng của Liên Xô chiếm 64%(1989) giảm còn 10,3%(1993). Khối lượng hàng xuất tăng từ 135 lên 53%. Trước đây hàng qua kho lên tới 80% thì nay hàng hóa chủ yếu được các chủ hàng tiếp nhận đi thẳng. Hơn nữa, trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đòi hỏi sự phấn đấu nỗ lực rất cao của đội ngũ cán bộ lãnh đạo và công nhân cảng.

Ngày 11/3/1993 Bộ GTVT ra quyết định số 376/TCCB-LDD về việc thành lập doanh nghiệp Cảng Hải Phòng. Để phù hợp với nền kinh tế thị trường, Cảng đã tự đổi mới mình, tổ chức lại theo hướng chuyên môn hóa, thành lập các xí nghiệp Container, xí nghiệp xếp dỡ hàng rời, hàng bao, hàng sắt thép, thiết bị. Công nghệ xếp dỡ hàng cũng được thay đổi cho phù hợp với phương thức vận chuyển hàng Container ở các cảng biển hiện đại trên thế giới.

Cảng đã chú trọng tập trung vào đầu tư những khu trọng yếu, tạo hiệu quả nhanh đi đôi với việc tăng cường quản lý khai thác, tận dụng công suất trang thiết bị hiện có. Cảng đã đầu tư 87 tỷ, trong đó 2/3 tập trung vào các khu vực làm hàng Container nhằm nâng cấp, mở rộng hệ thống bãi chứa hàng, trang bị các loại cần cầu bờ và các loại xe nâng hiện đại có sức nâng tới 41 tấn, xây dựng kho CFS đồng thời nâng cấp hệ thống cầu bến, các phương tiện vận tải thủy phục vụ chuyên tải và

tàu hỗ trợ, hệ thống máy vi tính và thông tin liên lạc phục vụ quản lý và điều hành sản xuất.

Việc đầu tư chiều sâu, đổi mới trang thiết bị đã giúp cảng nâng cao được năng lực xếp dỡ hàng hóa. Những năm trước đây, sản lượng xếp dỡ chỉ đạt 7000 tấn/ngày, nhưng từ năm 1995 đến nay chỉ cần 12h-16h. Tàu chở 5000 tấn sắt thép có thể xếp dỡ xong trong 40h và hàng ngàn ô tô được chuyển từ tàu xuống bãi an toàn trong vòng 2 ca làm việc 12h. Từ năm 1997, cảng khẩn trương triển khai dự án nâng cấp và cải tạo cảng HP theo quyết định điều chỉnh số 492/Ttg ngày 31/7/1996 của Thủ tướng Chính phủ với tổng số vốn 40.000.000USD bằng nguồn vốn ODA của Nhật Bản.

Hiện nay với hệ thống cầu cảng dài 2600m, tổng diện tích bãi để hàng là 400.000m<sup>2</sup> hệ thống kho bãi đủ tiêu chuẩn 38.000m<sup>2</sup> và các trang thiết bị hiện đại chắc chắn cảng Hải Phòng sẽ đủ sức tiếp nhận không chỉ 7 triệu tấn hàng/năm mà còn có thể đáp ứng đủ tốc độ tăng trưởng nguồn hàng xuất nhập khẩu tăng gấp 1,5 lần vào sau năm 2000.

Ngày 1/7/2014 vừa qua, Cảng Hải Phòng đã hoàn thành cổ phần hóa theo đúng tiến độ và chính thức mang tên Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng. Với mô hình mới, Cảng tiếp tục bảo đảm ổn định sản xuất, tiếp tục đầu tư chiều sâu, phát triển theo hướng hiện đại hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, đáp ứng nhu cầu của khách hàng ngày một tốt hơn. Thế hệ cán bộ và công nhân lao động Cảng sẽ giữ vững thương hiệu chủ lực của cả nước, giữ vai trò là doanh nghiệp hàng đầu trong khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải, hướng đến mục tiêu “cảng biển xanh”, góp phần thực hiện thắng lợi chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020.

## **2.2 Quá trình hình thành và phát triển Cảng Chùa Vẽ:**

### **2.2.1 khái quát về Cảng Chùa Vẽ**

Địa chỉ: Số 5 đường Chùa Vẽ- Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Hải Phòng.

Điện thoại: 0313.765.784 , Fax: 0313.765.784

E-mail: [chuave-haiphongport@hn.vnn.vn/ops.cv-chp@vnn.vn](mailto:chuave-haiphongport@hn.vnn.vn/ops.cv-chp@vnn.vn)

Website : [www.haiphongport.com.vn](http://www.haiphongport.com.vn)

### **2.2.2 Vị trí địa lý và lịch sử phát triển cảng Chùa Vẽ**

Nằm trong phạm vi hữu ngạn sông Cấm, cách trung tâm thành phố 4km về phía Đông và cách phao số “0” khoảng 20 hải lý, tàu vào cảng phải qua luồng Nam Triệu và kênh Đào Đình Vũ

Cảng Chùa Vẽ là điểm trung chuyển hàng hóa cho các tỉnh phía Nam Trung Quốc và Bắc Lào.

Năm 1874, triều đình phong kiến phản động nhà Nguyễn chính thức nộp đất Hải Phòng cho thực dân Pháp. Năm 1876, thực dân Pháp cấp tốc làm một số cầu nổi. Bến cảng được xây dựng trên bờ phải sông Cửa Cấm cách biển khoảng 4 km với quy mô đơn giản, cơ sở vật chất thô sơ ít ỏi.

Ngày 24/11/1929, 500 anh chị em công nhân làm kíp đã tụ họp phản đối một tên cai đánh công nhân đồng thời đấu tranh đòi nước uống và giành được thắng lợi. Ngày này được chọn là “ ngày truyền thống của công nhân Cảng Hải Phòng”.

Ngày 13/5/1955, Hải Phòng hoàn toàn được giải phóng ta tiếp quản cảng HP và cảng được tu sửa và mở rộng đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nền kinh tế quốc dân.

Năm 1981, về cơ bản cảng đã hoàn thành giai đoạn cải tạo à hoàn thiện các bến đáp ứng nhu cầu xếp dỡ hàng hóa. Đến năm 2001 khả năng thông qua của cảng đạt 7 triệu tấn/năm.

Tháng 5/1977 cảng Chùa Vẽ đã được thành lập do yêu cầu của cảng mở rộng để tổ chức sản xuất, kinh doanh đa dạng hàng hóa. Trước khi ra đời xí nghiệp chỉ là một bãi bồi phù sa và chỉ có đoạn cầu tàu dài 345m cho thuyền và sà lan cập bến, hàng hóa vận chuyển qua đây chủ yếu là hàng quân sự. Cảng Chùa Vẽ khi mới thành lập gồm 2 khu vực:

Khu vực 1 ( gọi là khu vực chính- khu Chùa Vẽ ) xây dựng các phòng ban làm việc, giao dịch..Nằm ở cạnh ngã ba Bình Hải, giáp với cảng Cấm. Cảng có 350m cầu tàu.

Khu vực 2 ( gọi là bãi Đoạn Xá) nằm cách khu vực 1 khoảng 1000m về phía phà Đình Vũ, tại đây đất đai rộng nhưng chỉ sử dụng một phần nhỏ 350m cầu tàu và khoảng 15.000m<sup>2</sup> .

Vào giữa tháng 6/1995, 2 khu vực Chùa Vẽ và Đoạn Xá đã được tách làm 2 xí nghiệp riêng. Khu Chùa Vẽ trước kia nay đổi thành xí nghiệp xếp dỡ Đoạn Xá và khu vực Đoạn Xá cũ lấy tên là xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ.

Được sự quan tâm của Bộ giao thông vận tải, cục Hàng Hải Việt Nam, Tp Hải Phòng và Cảng Hải Phòng , xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ được xây dựng và mở

rộng để tiếp nhận sản lượng container tăng trưởng làm 2 giai đoạn bằng nguồn vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản.

Giai đoạn 1: từ năm 1996-2000, xây dựng mới một cầu tàu 150m, cải tạo toàn bộ diện tích bãi cũ và làm mới 40.000m<sup>2</sup> bãi chuyên dụng để xếp container theo tiêu chuẩn quốc tế và 2 QC. Xây dựng 3.200m<sup>2</sup> kho CFS để khai thác hàng chung chủ và gom hàng của nhiều chủ để đóng vào container xuất khẩu. Toàn bộ dự án trên có tổng số vốn đầu tư lên đến 40 triệu USD

Giai đoạn 2: từ năm 2001-2006, xây mới thêm 2 cầu tàu 350m, 60.000m<sup>2</sup> bãi, đầu tư phương tiện chuyên dụng làm container: 4 QC( Quay side crane), 12 RTG( Rubber Transfer Gantry Crane), đóng mới 4 tàu lai dắt, hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho xếp dỡ và quản lý container trên bãi và cải tạo luồng tàu vào cảng với tổng số vốn 80 triệu USD.

Ngành nghề kinh doanh dịch vụ theo giấy chứng nhận đăng kí hoạt động chi nhánh số 0214001387, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố hải phòng cấp ngày 29/7/2008

Tháng 7 năm 2014 hòa vào dòng chảy Cổ phần hóa của Nhà Nước, Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ chính thức đổi thành Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng – Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ.

### 2.3 Chức năng, nhiệm vụ của chi nhánh Cảng Chùa Vẽ

Chi nhánh cảng Chùa Vẽ trực thuộc công ty cổ phần cảng Hải Phòng là một đơn vị hạch toán kinh tế nội bộ của công ty cổ phần Cảng Hải phòng, có tư cách pháp nhân không đầy đủ, có con dấu riêng để giao dịch.

- Lĩnh vực kinh doanh: khai thác Cảng
- Ngành nghề kinh doanh: xếp dỡ, giao nhận, bảo quản hàng hóa, chuyển tải hàng hóa và dịch vụ hàng hải.
- Chức năng, nhiệm vụ chủ yếu như sau:
  - Tổ chức giao nhận, xếp dỡ, bảo quản, vận chuyển hàng hoá nhanh, an toàn có hiệu quả theo kế hoạch và sự phân công của giám đốc cảng Hải Phòng trên các phạm vi cầu tàu, kho bãi, và các khu vực chuyển tải được giao.
  - Tổ chức quản lý sửa chữa, sử dụng các phương tiện thiết bị, công cụ, kho bãi, cầu bến, vật tư theo kế hoạch của giám đốc cảng.



- Tổ chức quản lý, sử dụng lao động, bồi dưỡng chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và chăm lo đời sống cho CBCNV.
- Áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và quy trình công nghệ xếp dỡ hợp lý, tổ chức lao động khoa học nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh tế.

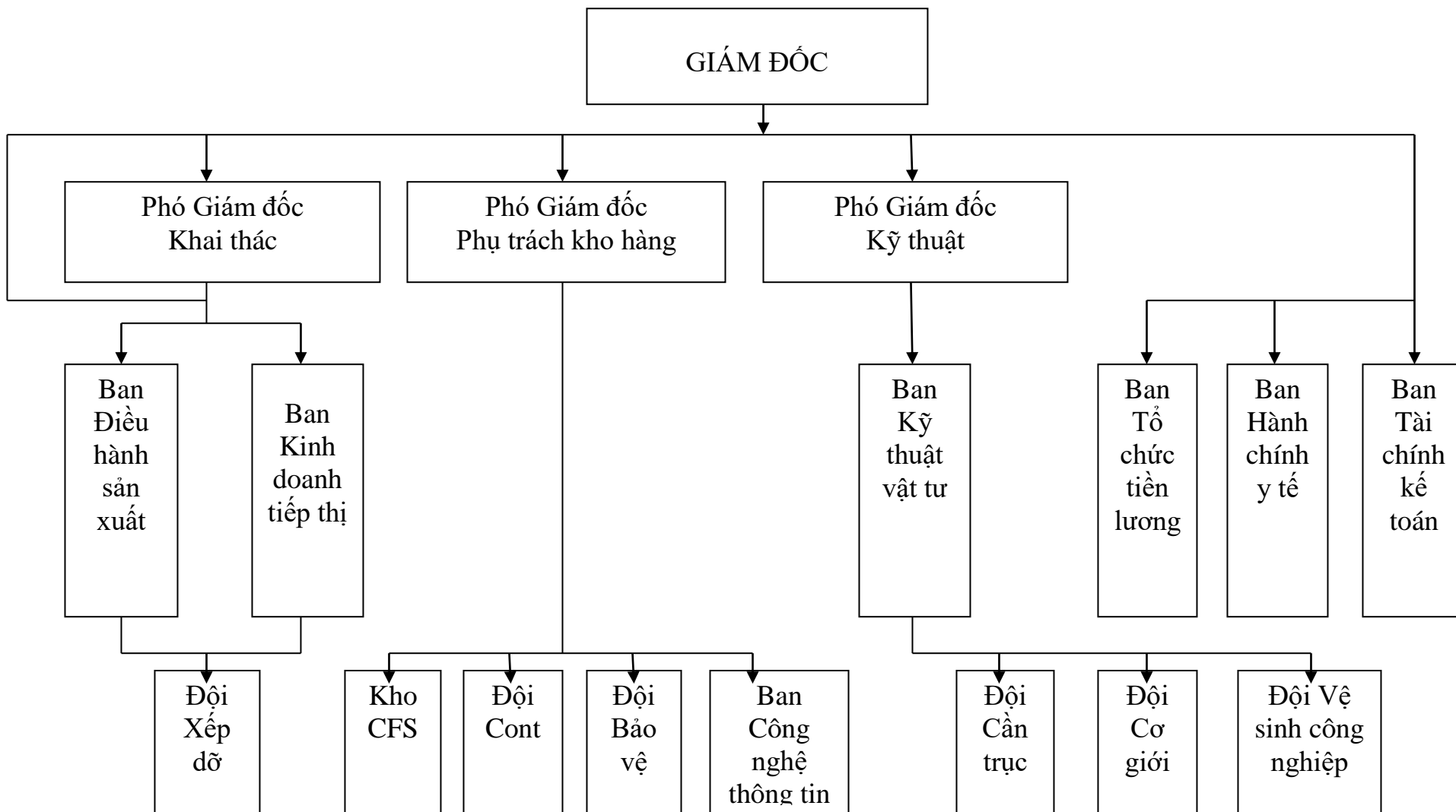
## 2.4 Cơ cấu tổ chức

### **2.4.1 Sơ đồ tổ chức chi nhánh cảng Chùa Vẽ**

Cơ cấu tổ chức theo kiểu trực tuyến

Ghi chú: →: là trực tuyến

# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CHI NHÁNH CẢNG CHÙA VỄ



## **2.4.2 Chức năng, vai trò, nhiệm vụ của các Phòng, Ban.**

### Giám đốc chi nhánh

Giám đốc chi nhánh là người chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng của xí nghiệp. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc xí nghiệp được quy định theo quyết định bổ nhiệm của Tổng Giám đốc công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng và quyết định phê chuẩn quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ của Hội đồng thành viên.

### Các phó Giám đốc.

Các Phó Giám đốc xí nghiệp giúp xí nghiệp điều hành các hoạt động của xí nghiệp theo phân công và ủy quyền cụ thể của Giám đốc xí nghiệp.

Phó Giám đốc xí nghiệp chịu trách nhiệm trước giám đốc xí nghiệp về các phần việc đã được phân công và ủy quyền. Trong trường hợp Giám đốc xí nghiệp vắng mặt tại trụ sở, không thể điều hành trực tiếp các hoạt động của xí nghiệp, thì Phó Giám đốc thứ nhất là người thay mặt Giám đốc quản lý, điều hành và chịu trách nhiệm cá nhân về mọi hoạt động của xí nghiệp trong khoảng thời gian này.

### Các ban chức năng

Lãnh đạo các ban nghiệp vụ chịu trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Xí nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn do bộ phận của mình phụ trách và thực hiện các phần việc khác theo sự phân công của Giám đốc Xí nghiệp.

### Ban Tổ chức tiền lương

Là ban tham mưu giúp Giám đốc trong công tác tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức sản xuất của Xí nghiệp; giúp Giám đốc trong lĩnh vực quản lý và giải quyết về những vấn đề của nhân sự.

Quản lý số lượng, chất lượng lao động và quản lý theo dõi việc sử dụng lao động trong toàn Xí nghiệp. Tổ chức triển khai, kiểm tra, kiểm soát thực hiện chế độ chính sách của nhà nước đối với người lao động và ban hành các quy chế về sử dụng lao động, nội quy, quy chế về tiền lương và thu nhập, các chế độ đãi ngộ đối với người lao động đảm bảo đúng quy định pháp luật.

### Ban tài chính kế toán

Tham mưu cho Giám đốc về công tác quản lý tài chính của Xí nghiệp bao gồm: tính toán kinh tế và bảo vệ sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, nhằm bảo đảm quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh. Là người Giám đốc sử dụng lao động, vật tư, tiền vốn, tài sản...hiện có của Xí nghiệp.

#### Ban kinh doanh tiếp thị

Tham mưu cho Giám đốc Xí nghiệp trong lĩnh vực khai thác thị trường trong nước và trong khu vực, tổ chức kí kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế. Nghiên cứu thị trường và tham gia xây dựng các phương án, định hướng chiến lược trong sản xuất kinh doanh của toàn Xí nghiệp.

#### Ban điều hành sản xuất

Tham mưu cho Giám đốc xí nghiệp về kế hoạch tác nghiệp sản xuất và chỉ đạo thực hiện kế hoạch. Bàn bạc thống nhất với các cơ quan có liên quan, với các chủ hàng, chủ tàu, chủ các phương tiện khác, nhằm thực hiện có hiệu quả kế hoạch đã đề ra.

#### Ban kỹ thuật vật tư

Tham mưu cho Giám đốc về các lĩnh vực kỹ thuật vật tư: xây dựng kế hoạch khai thác sử dụng và sửa chữa các loại phương tiện hiện có, tổ chức quản lý kỹ thuật cơ khí, mua sắm vật tư, phụ tùng chiến lược, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất. Đảm bảo an toàn cho người và phương tiện.

Tham mưu cho Giám đốc Xí nghiệp về công tác an toàn lao động bao gồm: kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ... đồng thời hướng dẫn thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động và giải quyết các chế độ cho người lao động.

Và tham mưu cho Giám đốc Xí nghiệp trong lĩnh vực tổ chức thực hiện quản lý, xây dựng, áp dụng, duy trì có hiệu quả và cải tiến liên tục các hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp theo quy định của hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9000. Đồng thời quản lý, thực hiện các công việc liên quan đến nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của cán bộ công nhân viên toàn Xí nghiệp.

#### Ban hành chính – y tế

Tham mưu cho Giám đốc trong lĩnh vực công tác thi đua, tuyên truyền; văn thư; quản lý; mua sắm thiết bị văn phòng phẩm; bố trí, sắp xếp nơi làm việc cho toàn

Xí nghiệp; quản lý đội xe phục vụ; tiếp đón các đoàn khách trong và ngoài nước; công tác quảng cáo, thông tin và thực hiện công việc khánh tiết các hội nghị, lễ tết, các đại hội.

#### Ban công nghệ thông tin

Tham mưu cho ban lãnh đạo xí nghiệp công tác về quản trị hệ thống thông tin dữ liệu hàng hóa trong toàn Xí nghiệp, kết nối thông tin với Hệ thống mạng MIS của Cảng Hải Phòng.

#### Các đội kho, bãi

Các tổ, đội, kho bãi là các đơn vị trực thuộc Xí nghiệp trực tiếp thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh theo sự chỉ đạo của ban lãnh đạo Xí nghiệp và sự giám sát, kiểm tra, điều hành của các ban nghiệp vụ.

### **2.5 Thuận lợi và khó khăn của cảng Hải Phòng**

#### **2.5.1 Khó khăn**

Hiện nay, hệ thống cảng đang tích tụ nhiều vấn đề nghiêm trọng, đó là luồng tàu bị bồi lắng không đạt chuẩn thiết kế, tàu ra vào khó khăn, phải chuyển tải, gây thiệt hại lớn về kinh tế và mất an toàn hàng hải. Hiện tại, độ sâu luồng tại khu vực cảng biển Hải Phòng trong đó có Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ đã được nâng lên đáng kể, tuy nhiên vẫn còn ở mức hạn chế. Luồng không đạt chuẩn cũng làm ảnh hưởng đến uy tín của hệ thống cảng biển Hải Phòng. Trong tình hình kinh tế khó khăn, các hãng tàu đang phải tìm cách giảm chi phí và tăng hệ số sử dụng của tàu bằng cách đưa tàu lớn hơn vào cập cảng là tương đối khó khăn. Việc chuyển tải tại vịnh Hạ Long hoặc cắt lại hàng để rời cầu vì giới hạn mức nước làm phát sinh chi phí là một điều rất khó chấp nhận đối với cảng cửa ngõ quốc tế loại 1A như Hải Phòng.

Song hành với nó là cơ sở hạ tầng yếu kém, đường bộ không được mở rộng hay nâng cấp tương ứng đã làm cho tình trạng ùn tắc giao thông diễn ra một cách trầm trọng. Hậu quả, các hãng tàu bị rớt hàng, tăng thời gian tàu nằm tại cầu cảng, tăng thêm rất nhiều chi phí để chuyển hàng. Việc này đã ảnh hưởng rất lớn tới hình ảnh của một cảng biển quốc tế, đồng thời làm tăng thêm chi phí khai thác cho các hãng tàu, trong khi các hãng tàu đang trong tình trạng đặc biệt khó khăn do khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

Hệ thống giao thông sau cảng cũng đang là vấn đề bức xúc do cơ sở hạ tầng thiếu đồng bộ và tổ chức vận tải không hợp lý: Hơn 79% lượng hàng qua cảng thực hiện bằng đường bộ; đường sông chiếm 18% và đường sắt chỉ chiếm 3%. Điều này dẫn đến thường xuyên ùn tắc giao thông và liên quan đến việc các tàu bị phạt vì chậm xếp dỡ hàng, hệ thống kho bãi ùn tắc, cản trở phát triển dịch vụ khác.

Đây cũng là một trong số những khó khăn vướng mắc cơ bản mà các hãng tàu, các cảng biển cũng như các doanh nghiệp vận tải tại khu vực Hải Phòng nói chung và Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ nói riêng đã và đang gặp phải trong suốt một thời gian dài vừa qua.

### **2.5.2 Thuận lợi**

Giờ đây, luồng tàu vào cảng biển Hải Phòng đã được nạo vét theo đúng thiết kế -7,2m so với “0” hải đồ; hệ thống báo hiệu hàng hải được xây dựng lắp đặt, hệ thống đường sắt trong cảng được cải tạo nâng cao năng lực. Điều này đã mang lại “luồng gió mới” cho các doanh nghiệp cảng biển, vận tải, dịch vụ cảng tại Hải Phòng trong quá trình đi lên cùng đất nước, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ hơn.

Nút giao thông Chùa Vẽ - Nguyễn Bình Khiêm đã làm giảm áp lực lưu thông phương tiện lớn, tránh ùn tắc, nhanh chóng đưa hàng qua cảng biển. Xét ở khía cạnh khác, nó còn làm giảm nguy cơ mất an toàn giao thông, tăng lưu thông hàng hóa, tạo điều kiện cho doanh nghiệp vận tải hoạt động tốt hơn, nhất là thu được hiệu quả cao hơn. Người dân cũng được hưởng lợi vì có hạ tầng giao thông phát triển.

Hệ thống báo hiệu hàng hải được xây dựng lắp đặt, hệ thống đường sắt trong cảng được cải tạo nâng cao năng lực. Điều này đã mang lại “luồng gió mới” cho các doanh nghiệp cảng biển, vận tải, dịch vụ cảng tại Hải Phòng trong quá trình đi lên cùng đất nước, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ hơn.

## Phần III: Thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Chùa Vẽ

### 3.1. Sản phẩm của Cảng Chùa Vẽ

\* Các dịch vụ chủ yếu của Chi nhánh Chùa Vẽ:

- Dịch vụ xếp dỡ container tại cầu và vùng nước.
- Các dịch vụ thuê bãi, giao nhận, đóng rút hàng, lưu container lạnh, phục vụ kiểm hoá, kiểm dịch...
- Dịch vụ kho CFS : gom hàng và phân phối hàng lẻ.
- Cân container và hàng hoá bằng cân điện tử 80 tấn.
- Dịch vụ hoa tiêu, lai dắt tàu biển.
- Dịch vụ logistic, khai thuế hải quan
- Sửa chữa các phương tiện vận tải bộ, các thiết bị bốc xếp, vệ sinh, sửa chữa container.
- Vận tải container và hàng hoá khác bằng đường bộ.
- Dịch vụ khác.

Sản phẩm chính là xếp dỡ container thông qua cầu tàu và được tính bằng “TEU”. Đơn vị container để tính giá cước xếp dỡ với các chủ hàng, chủ tàu hoặc đại lý là số lần tác nghiệp container loại 20’ và loại 40’ hàng hoặc vỏ.

Nâng/ hạ container từ bãi lên các phương tiện chủ hàng và ngược lại được tính bằng loại container 20’ hoặc 40’ hàng và vỏ.

Đóng /rút hàng trong container lên các phương tiện chủ hàng hoặc ngược lại được tính bằng loại container 20’ hoặc 40’.

Container lưu bãi được tính bằng thời gian container lưu trên bãi cảng hàng hoặc vỏ và container loại 20’ và 40’

Các dịch vụ khác như phục vụ giám định, kiểm hóa hàng trong container. Container lạnh có sử dụng điện.

### 3.2 Quy trình dịch vụ:

Bước 1: chủ hàng sẽ tới phòng kinh doanh của cảng để kí kết hợp đồng( có thể thanh toán hoặc tạm ứng)

Bước 2: chủ hàng xuống chi nhánh để đăng kí làm hàng. Chi nhánh sẽ làm các thủ tục và thực hiện theo hợp đồng. Cụ thể:

Khi đã có các hợp đồng và đã được thỏa thuận giữa các hang tàu, chủ tàu thì hàng sẽ được đưa vào cảng và tùy theo tình hình chất kết cấu của từng loại hàng sẽ được cảng vận chuyển, bốc xếp, bảo quản phù hợp.

Trên cơ sở mẫu đăng kí của các hang tàu, các chủ hàng, chủ phương tiện để từ đó chi nhánh sẽ lên kế hoạch bố trí, sắp xếp kế hoạch tác nghiệp, phương tiện lao động, điều kiện sản xuất, con người phương tiện ô tô, xe cần trục, cầu nâng hàng, đế, giàn và các loại công cụ xếp dỡ cho phù hợp.

Bước 3: thanh lý hợp đồng: chi nhánh tập hợp chứng từ chuyên cho phòng kinh doanh phát hành hóa đơn dịch vụ sau đó thanh lý hợp đồng với chủ hàng.

### 3.3 Phân tích tình hình sản lượng hàng hóa qua chi nhánh Cảng Chùa Vẽ-công ty cổ phần Cảng Hải Phòng nam 2014-2015.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015	Chênh lệch	
				Số tuyệt đối (1 Tr.đ)	Số tương đối (%)
Sản lượng	Tấn	5,210,000	4,999,443	(210,557)	(4%)
Doanh thu	Triệu đồng	334,004	329,618	(4,386)	(1%)
Chi phí	Triệu đồng	275,043	260,187	(14,856)	(5%)



Lợi nhuận	Triệu đồng	58,961	69,431	10,470	18%
-----------	------------	--------	--------	--------	-----

Nhận xét: Các chỉ tiêu sản lượng ,doanh thu và chi phí năm 2015 đều giảm so với năm 2014. Cụ thể tổng sản lượng năm 2015 đạt 4,999,443 tấn giảm 210,557 tấn so với năm 2014, tương ứng 4%.điều này làm doanh thu năm 2015 chỉ đạt 329,618 triệu đồng hụt đi so với năm 2014 là 4,386 triệu đồng tương ứng tỷ lệ 1%

Tuy nhiên chi phí giảm từ 275,043 triệu đồng trong năm 2014 xuống mức 260,187 triệu đồng trong năm 2015 tương ứng với tỉ lệ giảm chi phí 5%. Mức giảm chi phí đã bù cho sự hụt đi của doanh thu, Điều này tác động làm cho lợi nhuận năm 2015 tăng 18% so với năm 2014, cụ thể tăng từ 58,961 triệu đồng ở năm 2014 lên 69,431 triệu đồng ở năm 2015.

### Bảng báo cáo sản lượng

CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2015	THỰC HIỆN		% SO SÁNH	
			NĂM 2014	NĂM 2015	TT/KH	15/14
<b>I/ CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG</b>						
<b>1. Tổng sản lượng</b>	<b>Tấn</b>	<b>5,000,000</b>	<b>5,210,000</b>	<b>4,999,443</b>	<b>100%</b>	<b>96%</b>
-Xuất khẩu			1,350,000	1,262,222		<b>93%</b>
-Nhập khẩu			2,010,000	1,818,729		<b>90%</b>
-Nội địa			1,850,000	1,918,492		<b>104%</b>
<b>2. Các mặt hàng chủ yếu</b>	tấn					

-Container - Teu - Tán	Teu Tán	395,000	374,722 4,791,646	313,605 4,193,714	79%	<b>84%</b> <b>88%</b>
-Máy móc, thiết bị	Tán		13,034	41,067		<b>315%</b>
-Sắt thép	“		75,755	225,841		<b>298%</b>
-Phân bón	“		86,276	47,612		<b>55%</b>
-Lương thực, thực phẩm	“		712	32,415		<b>4553%</b>
-Xi măng, lưu huỳnh	“		10,081			
-Than	“		8,466	86,188		<b>1018%</b>
-Quặng	“		191,049	243,519		<b>127%</b>
-Vật liệu xây dựng	“		27,741	97,448		<b>351%</b>
-Hàng hóa khác	“		5,240	32,639		<b>623%</b>
<b>III/ CHỈ TIÊU KD</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>329,000</b>	<b>334,004</b>	<b>329,618</b>	<b>100%</b>	<b>99%</b>
- Bóc xếp hàng hóa	Tr.đ		194,666	176,527		<b>91%</b>
+ Dầu ngoài	“		164,997	153,386		<b>93%</b>
+ Dầu trong	“		29,669	23,141		<b>78%</b>
- Lưu kho bãi	“		5,965	8,032		<b>135%</b>
- Lưu cont lạnh	“		38,506	56,905		<b>148%</b>
- Cân hàng	“		1,617	2,122		<b>131%</b>
- Cầu bến	“		4,861	7,741		<b>159%</b>
- Nâng cont	“		55,536	50,219		<b>90%</b>
- Hạ cont	“		20,997	22,243		<b>106%</b>

- Giao nhận	“		19	27		<b>142%</b>
- Buộc cửi dây	“		552	576		<b>104%</b>
Thuê Kho bãi	“		2,304	1,305		<b>57%</b>
Kiểm dịch, hun trùng			2	714		
Thuê văn phòng				169		
Thuê phương tiện			2,486			
Chênh lệch tỷ giá	“					
- Dịch vụ khác	“		6,493	3,038		<b>47%</b>
-DT do đơn vị kí HĐ và TN				134,295		

Tổng hợp lại có bảng sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015	Chênh lệch	
				Số tuyệt đối (1 Tr.đ)	Số tương đối (%)
Sản lượng	Tấn	5,210,000	4,999,443	(210,557)	(4%)
xuất khẩu	Tấn	1,350,000	1,262,222	(87,778)	(7%)
nhập khẩu	Tấn	2,010,000	1,818,729	(191,271)	(10%)
nội địa	Tấn	1,850,000	1,918,492	68,492	4%

Đi sâu tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi trong năm 2015, ta thấy sản lượng năm 2015 không đạt mức kế hoạch đề ra là 5,000,000 triệu đồng, cụ thể năm 2015 sản lượng chỉ đạt 4,999,443 triệu đồng, và hụt đi 210,557 triệu đồng so với sản lượng năm 2014 là 5,210,000 triệu đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 4%.

Nguyên nhân chủ yếu do sản lượng xuất khẩu và sản lượng nhập khẩu lần lượt hụt đi so với năm 2014 lần lượt là 87,778 triệu đồng và 191,271 triệu đồng, tương ứng với tỷ lệ giảm 7% và 10%. Sản lượng nội địa tăng 68,492 triệu đồng tương ứng tỷ lệ tăng 4% so với năm 2014, tuy nhiên lượng tăng sản lượng nội địa không bù đắp được sự hụt đi của sản lượng nhập khẩu và xuất khẩu. Doanh nghiệp cần xem xét tìm hiểu nguyên nhân, khắc phục và đưa ra giải pháp kịp thời cho kì tới.

Trong năm 2015 vừa qua, chi nhánh cảng Chùa Vẽ có thể coi như đã hoàn thành chỉ tiêu về sản lượng khi đạt 4,999,443 tấn trong khi kế hoạch đặt ra là 5,000,000 tấn. Tuy nhiên so với sản lượng năm 2014 là 5,210,000 tấn, sản lượng năm 2015 chỉ đạt 96%. Chỉ tiêu kinh doanh năm 2015 đạt mức 329.618 triệu đồng có giảm so với cùng kì năm trước tuy nhiên vẫn hoàn thành kế hoạch đề ra trong năm 2015 là 329,000 triệu đồng. Đặc biệt hơn, chi phí năm 2015 đã giảm đáng kể so với năm 2014 và còn hoàn thành xuất sắc kế hoạch đề ra. Chi phí năm 2015 chỉ 260,187 triệu đồng so với kế hoạch đặt ra 270.000 triệu đồng. Điều này cho thấy chi nhánh cảng Chùa Vẽ đã có sự điều chỉnh, tiết kiệm trong sử dụng nhiên liệu, vật liệu. Công tác quản lý chi phí sản xuất của chi nhánh có hiệu quả. Đây là biểu hiện rất tốt, cần tiếp tục phát huy trong kì tới.

Tuy nhiên trong kì vừa qua, sản lượng xuất khẩu và nhập khẩu của chi nhánh cảng Chùa Vẽ đều có xu hướng giảm. Mặt hàng chủ yếu container có kế hoạch đề ra năm 2015 là 395,000 teu tuy nhiên thực hiện chỉ đạt 313,605 teu tương ứng 79% kế hoạch đặt ra. Doanh nghiệp cần tìm hiểu nguyên nhân và có biện pháp điều chỉnh hợp lí trong kì tới.

### **3.4 Phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại chi nhánh cảng Chùa Vẽ năm 2014-2015.**

#### **3.4.1. Phân tích khái quát về Tài Sản**

**BẢNG KÊ PHÂN TÍCH TÀI SẢN CHI NHÁNH CẢNG CHÙA VỄ 2014-2015**

ĐVT: đồng

TÀI SẢN	Năm 2015		Năm 2014		Chênh lệch		Chênh lệch cơ cấu
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ lệ	
<b>A. Tài sản LĐ và đầu tư TC ngắn hạn</b>	<b>12,462,308,858</b>	<b>2.26%</b>	<b>13,512,522,650</b>	<b>2.12%</b>	<b>-1,050,213,792</b>	<b>-8.43%</b>	<b>0.15%</b>
I. Vốn bằng tiền	29,738,000	0.01%	25,329,000	0.00%	4,409,000	14.83%	0.00%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn							
III. Các khoản phải thu	442,892,942	0.08%	1,931,536,950	0.30%	-1,488,644,008	-336.12%	-0.22%
IV. Hàng tồn kho	11,989,677,916	2.18%	11,555,656,700	1.81%	434,021,216	3.62%	0.37%
V. Tài sản ngắn hạn khác							
<b>B. TS CĐ và đầu tư dài hạn</b>	<b>537,887,573,711</b>	<b>97.74%</b>	<b>624,194,707,445</b>	<b>97.88%</b>	<b>-86,307,133,734</b>	<b>-16.05%</b>	<b>-0.15%</b>
I. Tài sản cố định	535,593,526,388	97.32%	622,751,116,680	97.65%	-87,157,590,292	-16.27%	-0.34%
1. TSCĐ hữu hình	535,593,526,388	97.32%	622,751,116,680	97.65%	-87,157,590,292	-16.27%	-0.34%
- Nguyên giá	622,751,116,680	113.16%	1,288,833,715,721	202.10%	-666,082,599,041	-106.96%	-88.95%
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-87,157,590,292	-15.84%	-666,082,599,041	-	578,925,008,749	-	88.61%

				104.45%		664.23%	
2. Tài sản cố định vô hình	0		0		0	0.00%	0.00%
- Nguyên giá	17,307,000,000	3.14%	17,307,000,000	2.71%	0	0.00%	0.43%
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-17,307,000,000	-3.14%	-17,307,000,000	-2.71%	0	0.00%	-0.43%
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>2,294,047,323</b>	<b>0.42%</b>	<b>1,443,590,765</b>	<b>0.23%</b>	<b>850,456,558</b>	<b>37.07%</b>	<b>0.19%</b>
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>550,349,882,569</b>	<b>100%</b>	<b>637,707,230,095</b>	<b>100%</b>	<b>-87,357,347,526</b>	<b>-15.87%</b>	<b>0.00%</b>

(Nguồn: Phòng kế toán tài chính)

### Nhận xét:

Nhìn vào bảng phân tích ta thấy, tổng tài sản năm 2015 so với năm 2014 giảm 15,87%, tương đương với 87,357,347,526 đồng.

Về TSLĐ và đầu tư ngắn hạn giảm 1,050,213,792 đồng (-8,43%). Nguyên nhân chủ yếu là do năm 2015 các khoản phải thu giảm mạnh 1,488,644,008 đồng (-336,12%) và chi nhánh đầu tư thêm TSLĐ và hàng tồn kho tăng 434,021,216 đồng (3,62%) => Chi nhánh đã thu hồi được phần lớn các khoản nợ, tuy nhiên đơn vị quản lý hàng tồn kho chưa tốt, chưa giảm được mức độ tồn đọng hàng để tập trung cho các hoạt động khác.

Tỷ trọng TSLĐ và đầu tư ngắn hạn tăng 0,15%, trong đó các khoản phải thu giảm 0,22%, trong khi đó hàng tồn kho tăng 0,37%. Kết cấu vốn lưu động theo hướng thu hồi nợ rút vốn về, tuy nhiên việc ứ đọng hàng tồn kho gây trì trệ cho doanh nghiệp.

TSCĐ và đầu tư dài hạn giảm 86,307,133,734 đồng, tương đương giảm 16,05%. Nguyên nhân chính là do tài sản cố định hữu hình giảm 87,157,590,292 đồng (-16,27%). Tài sản dài hạn khác tăng 850,456,558 đồng (tương ứng với 37,07%). Phần tài sản cố định vô hình đã được khấu hao hết qua các năm => Đơn vị có xu hướng giảm TSCĐ, không đầu tư thêm máy móc thiết bị kỹ thuật mà đầu tư vào tài sản dài hạn khác.

Tỷ trọng TSCĐ và đầu tư dài hạn giảm 0,15%, trong đó chủ yếu giảm chủ yếu ở tài sản cố định hữu hình 0,34%, tuy nhiên tài sản dài hạn khác lại tăng 0,19%=> đơn vị năm nay không tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng và đổi mới TSCĐ mà tập trung vào khoản mục tài sản dài hạn khác. Công tác quản lý hàng tồn kho chưa tốt, gây nên ứ đọng, trì trệ. Tuy nhiên công tác thu hồi nợ tương đối tốt.

### 3.4.2. Phân tích khái quát về nguồn vốn

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2014		Chênh lệch		Chênh lệch cơ cấu
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ lệ	
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>14,756,357,081</b>	<b>2.68%</b>	<b>14,956,113,415</b>	<b>2.35%</b>	<b>(199,756,334)</b>	<b>-1.35%</b>	<b>0.34%</b>
1. Phải trả người bán	1,271,940,403	0.23%	2,395,224,653	0.38%	(1,123,284,250)	-88.31%	-0.14%
2. Phải trả công nhân viên	19,762,270,716	3.59%	12,582,554,110	1.97%	7,179,716,606	36.33%	1.62%
3. Chi phí phải trả	0	0.00%	8,253,968,182	1.29%	(8,253,968,182)	0.00%	-1.29%
4. Phải trả nội bộ	(13,370,234,037)	-2.43%	(8,521,648,530)	-1.34%	(4,848,585,507)	36.26%	-1.09%
5. phải trả phải nộp khác	278,629,999	0.05%	246,015,000	0.04%	32,614,999	11.71%	0.01%
6. Dự phòng phải trả	6,813,750,000	1.24%	0	0.00%	6,813,750,000	100%	1.24%
<b>B. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>535,593,525,488</b>	<b>97.32%</b>	<b>622,751,116,680</b>	<b>97.65%</b>	<b>(87,157,591,192)</b>	<b>-16.27%</b>	<b>-0.34%</b>
1. Vốn ngân sách	469,631,628,414	85.33%	552,236,385,860	86.60%	(82,604,757,446)	-17.59%	-1.26%
2. Vốn tự bổ sung	65,961,897,074	11.99%	70,514,730,820	11.06%	(4,552,833,746)	-6.90%	0.93%
3. Quỹ đầu tư phát triển							
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>550,349,882,569</b>	<b>100%</b>	<b>637,707,230,095</b>	<b>100%</b>	<b>(87,357,347,526)</b>	<b>-15.87%</b>	<b>0.00%</b>

(Nguồn: Phòng kế toán tài chính)



## Nhận xét

Tổng nguồn vốn năm 2015 giảm 87,357,347,526 đồng, tương đương giảm 15,87% so với năm 2014.

Nợ phải trả năm 2015 giảm 199,756,334 đồng (-1,35%) , trong đó phải trả công nhân viên tăng 7,179,716,606 đồng ( tương đương 36,33%), các khoản phải trả phải nộp khác tăng 32,614,999 đồng (11,71%), dự phòng phải trả tăng 6,813,750,000 đồng ( 100%). Tuy nhiên do các khoản phải trả người bán giảm 1,123,284,250 đồng (-36,26%), chi phí phải trả giảm 8,253,968,162 đồng, phải trả nội bộ giảm 4,848,585,507 đồng ( -36,26%) làm cho nợ phải trả năm 2015 giảm 1,35% so với năm 2014 => Nợ phải trả của doanh nghiệp giảm tuy nhiên giảm không đáng kể, công tác thanh khoản của đơn vị chưa thực sự hiệu quả.

Tỷ trọng nợ phải trả tăng 0,34%. Hầu hết các khoản mục nợ phải trả ngắn hạn đều giảm trừ khoản mục phải trả công nhân viên, dự phòng phải trả tăng lên.

Nguồn vốn chủ sở hữu giảm 87,157,591,192 đồng ( -16,27%). Vốn ngân sách giảm 82,604,757,446 đồng ( 17,59%), vốn tự bổ sung giảm 4,552,833,746 đồng (tương đương giảm 6,9%). Việc giảm cả vốn ngân sách lẫn vốn tự bổ sung chứng tỏ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị chưa thực sự hiệu quả, nguồn vốn ngân sách từ công ty mẹ cũng chưa được chú trọng đầu tư.

Tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu giảm 0,34%, trong đó tỷ trọng vốn ngân sách giảm 1,26%, tỷ trọng vốn tự bổ sung tăng 0,93%.

### 3.4.3. Phân tích khái quát bảng báo cáo kết quả hoạt động SXKD

Bảng :báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2014-2015

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2014		Chênh lệch		Chênh lệch cơ cấu
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ lệ	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	329,618,187,937	100%	334,004,000,000	100%	(4,385,812,063)	-1.33%	0.00%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu							
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>329,618,187,937</b>	<b>100.00%</b>	334,004,000,000	<b>100.00%</b>	<b>(4,385,812,063)</b>	-1.33%	<b>0.00%</b>
4. Giá vốn hàng bán	219,641,187,621	66.64%	247,099,000,000	73.98%	(27,457,812,379)	-12.50%	-7.35%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>109,977,000,316</b>	<b>33.36%</b>	<b>86,905,000,000</b>	<b>26.02%</b>	<b>23,072,000,316</b>	20.98%	<b>7.35%</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính							
7. Chi phí tài chính							
- Trong đó: Chi phí lãi vay							
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	40,546,000,000	<b>12.30%</b>	27,944,000,000	8.37%	12,602,000,000	31.08%	3.93%

ngiệp							
9. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	<b>69,431,000,316</b>	<b>21.06%</b>	<b>58,961,000,000</b>	<b>17.65%</b>	<b>10,470,000,316</b>	15.08%	<b>3.41%</b>
10. Thu nhập khác							
11. Chi phí khác							
12. Lợi nhuận khác							
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<b>69,431,000,316</b>	<b>21.06%</b>	<b>58,961,000,000</b>	<b>17.65%</b>	<b>10,470,000,316</b>	15.08%	<b>3.41%</b>
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành							
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	<b>69,431,000,316</b>	<b>21.06%</b>	<b>58,961,000,000</b>	<b>17.65%</b>	<b>10,470,000,316</b>	15.08%	<b>3.41%</b>

### Nhận xét:

Nhìn vào bảng trên ta thấy, chỉ số doanh thu năm 2015 so với năm 2014 giảm 4,385,812,063 đồng (-1,33%), trong khi đó chỉ số giá vốn hàng bán năm nay so với năm trước giảm mạnh 27,457,812,379 đồng (-12,5%) dẫn đến lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 23,072,000,316 đồng (20,98 %). Tuy nhiên chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2015 tăng 12,602,000,000 đồng so với năm 2014, tương ứng với 31,08%. Mặc dù vậy nhưng do lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng cao bù đắp được chi phí của doanh nghiệp nên đơn vị vẫn đem lại một nguồn lợi nhuận đáng kể. Lợi nhuận sau thuế của Chi nhánh tăng từ 58,961,000,000 đồng lên đến 69,431,000,316 đồng ( tương đương với tỷ lệ 15,08%).

Qua phân tích trên, ta thấy việc kinh doanh của chi nhánh Cảng Chùa Vẽ đang khá là thuận lợi, cần phát huy để đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ hơn nữa.

### 3.5. Phân tích hiệu quả sử dụng các nguồn lực

#### 3.5.1 Phân tích hiệu quả sử dụng chi phí.

##### Bảng chỉ tiêu hiệu quả sử dụng chi phí

đv: vnd

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối
1	Giá vốn hàng bán	219,641,187,621	247,099,000,000	-27,457,812,379	-12.50%
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	40,546,000,000	27,944,000,000	12,602,000,000	31.08%
3	Tổng chi phí	260,187,187,621	275,043,000,000	-14,855,812,379	-5.71%
4	Doanh thu thuần về BH và CCDV	329,618,187,937	334,004,000,000	-4,385,812,063	-1.33%
5	Lợi nhuận sau thuế	69,431,000,316	58,961,000,000	10,470,000,316	15.08%
6	Hiệu suất sử dụng chi phí	1.27	1.21	0.05	4.14%
7	Hiệu quả sử dụng chi phí	0.27	0.21	0.05	19.67%

**Nhận xét:** qua bảng phân tích trên có thể thấy

-Giá vốn hàng bán năm 2015 ở mức 219,641,187,621 đ , giảm 27,457,812,379đ so với cùng kì năm 2014 tương ứng 12.05%

-Chi phí quản lý doanh nghiệp tại chi nhánh Cảng Chùa Vẽ năm 2015 là 40,546,000,000đ so với năm 2014 là 27,944,000,000đ, tăng 12,602,000,000đ tương ứng 31.08%.

-Sự biến động của chi phí quản lý doanh nghiệp và giá vốn hàng bán là nguyên nhân khiến chi phí năm 2015 giảm 5.71% so với cùng kì năm 2014. Cụ thể, tổng chi phí giảm 14,855,812,379đ từ mức 275,043,000,000 ở năm 2014 xuống mức 260,187,187,621đ trong năm 2015.

-Doanh thu năm 2015 chỉ đạt 329,618,187,937đ, giảm 1.33% tương ứng 4,385,812,063đ. Doanh thu của chi nhánh Cảng Chùa Vẽ năm 2015 giảm chủ yếu do sản lượng xuất khẩu và nhập khẩu giảm so với cùng kì năm 2014.

-Tuy doanh thu của chi nhánh có giảm 1.33% so với năm 2014 nhưng mức tổng chi phí lại giảm mạnh hơn nên hiệu suất sử dụng chi phí chi nhánh cảng Chùa Vẽ năm 2015 vẫn đạt 1.27,(tăng 4.14% so với năm 2014 là 1.21) có ý nghĩa cứ 1 đồng chi phí doanh nghiệp bỏ ra thì sẽ thu về 1.27đồng doanh thu.

-Lợi nhuận sau thuế của chi nhánh năm 2015 đạt 69,431,000,316đ so với năm 2014 là 58,961,000,000đ, tăng 10,470,000,316đ tương ứng mức tăng 15.08%.Hiệu quả sử dụng chi phí của chi nhánh tăng từ 0.21 trong năm 2014 lên 2.27 trong năm 2015. Cụ thể, cứ 1 đồng chi phí chi nhánh bỏ ra thu về 0.27 đồng lợi nhuận.

-Có thể thấy rõ hiệu quả và hiệu suất sử dụng chi phí của chi nhánh cảng Chùa Vẽ năm 2015 đều tăng so với cùng kì năm ngoái. Mặc dù doanh thu bán hàng có giảm nhưng sự giảm chi phí còn lớn hơn đã bù đắp Điều này chứng tỏ chi nhánh đã có sự điều chỉnh thích hợp , tiết kiệm chi phí, sử dụng chi phí có hiệu quả, Chi nhánh cần tiếp tục phát huy trong kì tới, đồng thời cũng phải tìm hiểu nguyên nhân làm giảm doanh thu để có biện pháp khắc phục.

### 3.5.2.Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản cố định.

#### Bảng chỉ tiêu hiệu quả sử dụng tài sản cố định.

đv: vnd

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Chênh Lệch	
			Tuyệt đối	Tương đối
Tài Sản Cố định	535,593,526,388	622,751,116,680	-87,157,590,292	-16.27%
Tổng doanh thu trong	329,618,187,937	334,004,000,000	-4,385,812,063	-1.33%

kì				
Lợi nhuận sau thuế	69,431,000,316	58,961,000,000	10,470,000,316	15.08%
Hiệu suất sử dụng TSCĐ	0.62	0.54	0.08	12.85%
Hiệu quả sử dụng TSCĐ	0.13	0.09	0.03	26.96%

**Nhân xét:** Qua bảng trên ta thấy

-Tài sản cố định năm 2015 hụt đi 87,157,590,292 đ từ mức 622,751,116,680đ trong năm 2014 xuống mức 535,593,526,388đ ở năm 2015, tương ứng tỉ lệ giảm 16.27%.Doanh thu trong kì giảm 1.33% và lợi nhuận sau thuế tăng 15.08% so với năm 2014.

-Sự thay đổi của các yếu tố trên khiến cho:

Hiệu suất sử dụng TSCĐ năm 2015 đạt 0.62, so với ở năm 2014 chỉ đạt 0.54 đã tăng 0.08 tương ứng mức tăng 12.85%. Có nghĩa cứ 100 đồng đầu tư vào TSCĐ chi nhánh thu về 62đ doanh thu, tương tự trong năm 2014 bỏ ra 100đ TSCĐ thu về 54đồng doanh thu. Có thể thấy trong năm 2015 chi nhánh đầu tư cho TSCĐ ít hơn so với năm 2014 nhưng hiệu suất sử dụng TSCĐ lại cao hơn, mặc dù hiệu suất sử dụng TSCĐ chưa cao. Đây là dấu hiệu tốt trong việc chi nhánh tận dụng hiệu suất của TSCĐ , cần tiếp tục phát huy.

Hiệu quả sử dụng TSCĐ của chi nhánh cũng tăng 26.96%, từ mức 0.09 ở năm 2014 lên mức 0.13 ở năm 2015. Điều này có nghĩa là cứ 100 đồng TSCĐ thì chi nhánh thu về 13 đồng lợi nhuận. Nguyên nhân chủ yếu do TSCĐ năm 2015 giảm đồng thời lợi nhuận sau thuế tăng làm hiệu quả sử dụng TSCĐ tăng theo. Thực tế chi nhánh vẫn có sự đầu tư cho TSCĐ nhưng mức độ đầu tư không lớn, đồng thời do sự khấu hao TSCĐ nên xét về cả mặt tương đối và tuyệt đối TSCĐ của chi nhánh cảng Chùa Vẽ đều giảm so với năm 2014.

### 3.5.3.Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản lưu động.

#### Bảng chỉ tiêu hiệu quả sử dụng tài sản lưu động.

đv: vnd

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Chênh Lệch	
			Tuyệt đối	Tương đối

Tài Sản lưu động	12,462,308,858	13,512,522,650	-1,050,213,792	-8.43%
Tổng doanh thu trong kì	329,618,187,937	334,004,000,000	-4,385,812,063	-1.33%
Lợi nhuận sau thuế	69,431,000,316	58,961,000,000	10,470,000,316	15.08%
Hiệu suất sử dụng TSLĐ	26.45	24.72	1.73	6.54%
Hiệu quả sử dụng TSLĐ	5.57	4.36	1.21	21.68%

### Nhận xét:

Qua bảng chỉ tiêu ta thấy hiệu suất sử dụng TSLĐ năm 2014 là 24.72 có nghĩa là cứ 100 đồng TSLĐ thu hồi 2472 đồng doanh thu, trong khi năm 2015 hiệu suất sử dụng TSLĐ là 26.45 có nghĩa cứ 100 đồng TSLĐ thu về 2645 đồng doanh thu. Như vậy hiệu suất sử dụng TSLĐ tại chi nhánh cảng Chùa Vẽ là rất cao, tuy nhiên chỉ tiêu này trong năm 2015 lại bị hụt đi 1.73 tương ứng tỉ lệ giảm 6.54% so với cùng kì năm 2014. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2015 doanh thu trong kì giảm đi so với năm trước 4,385,812,063 đồng.

Hiệu quả sử dụng TSLĐ năm 2015 đạt 5.57 có nghĩa cứ 100 đồng TSLĐ thu hồi được 557 đồng lợi nhuận. Chỉ tiêu này tăng 1.21 tương ứng 21.68% so với ở năm 2014. Nguyên nhân chủ yếu do lợi nhuận sau thuế của chi nhánh cảng Chùa Vẽ năm 2015 đã tăng cao hơn năm 2014 là 10,470,000,316 đồng. Tỉ lệ tăng lợi nhuận sau thuế là 15.08% là khá cao. Đây là kết quả đáng mừng của chi nhánh trong việc sử dụng hiệu quả TSLĐ, chi nhánh cần có kế hoạch để tiếp tục phát huy hơn nữa trong kì tới.

### 3.5.4. Phân tích hiệu quả sử dụng tổng tài sản.

#### Bảng chỉ tiêu hiệu quả sử dụng tổng tài sản

đv: vnd

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Chênh Lệch	
			Tuyệt đối	Tương đối
Tổng tài sản	550,349,882,569	637,707,230,095	-87,357,347,526	-15.87%
Tổng doanh thu trong kì	329,618,187,937	334,004,000,000	-4,385,812,063	-1.33%



Lợi nhuận sau thuế	69,431,000,316	58,961,000,000	10,470,000,316	15.08%
Hiệu suất sử dụng tổng TS	0.60	0.52	0.08	12.55%
Hiệu quả sử dụng tổng TS	0.13	0.09	0.04	31.71%

**Nhận xét:** qua bảng chỉ tiêu trên ta thấy hiệu suất sử dụng tổng tài sản năm 2014 và 2015 lần lượt là 0.52 và 0.6, như vậy chỉ tiêu này đã tăng 0.08 tương ứng tỷ lệ tăng 12.55% so với năm 2014. Điều này có nghĩa là cứ 100 đồng tổng tài sản thu về 60 đồng doanh thu trong năm 2015, tương tự ở năm 2014 cứ 100 đồng tổng tài sản thu về 52 đồng doanh thu. Thực tế doanh thu trong năm 2015 giảm so với trong năm 2014, cụ thể doanh thu năm 2015 chỉ đạt 329,618,187,937đ , giảm 4,385,812,063đ so với năm 2014, tuy nhiên tổng tài sản trong năm 2015 lại chỉ có 550,349,882,569 ít hơn giá trị tổng tài sản năm 2014 đạt 637,707,230,095. Tỷ lệ giảm của doanh thu ít hơn nhiều so với tỉ lệ giảm của tổng tài sản, dẫn đến chỉ tiêu hiệu suất sử dụng tổng tài sản năm 2015 vẫn cao hơn trong năm 2014 . đây là kết quả đáng mừng cho chi nhánh trong việc tận dụng hiệu suất sử dụng tổng tài sản.

Hiệu quả sử dụng tổng tài sản năm 2015 đạt 0.13, tăng 0.03 so với năm 2014. Điều này có nghĩa cứ 100 đồng tổng tài sản thì thu về 13 đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 4 đồng so với năm 2014. Nguyên nhân là do lợi nhuận sau thuế của chi nhánh cảng Châu Vẽ năm 2015 tăng 10,470,000,316 đ tương ứng 15.08 % so với năm 2014 đồng thời tổng TS lại giảm 87,357,347,526đ tương ứng 15.87%. hai yếu tố này làm cho chỉ tiêu hiệu quả sử dụng tổng tài sản năm 2015 tăng cao hơn cùng kì năm ngoái. đây là biểu hiện rất tốt, chứng tỏ chi nhánh đã sử dụng rất hiệu quả tổng tài sản, cần tiếp tục phát huy trong kì sau.

### 3.3.5 Phân tích hiệu quả sử dụng lao động.

#### Bảng chỉ tiêu hiệu quả sử dụng lao động.

đv: vnd

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Chênh Lệch	
			Tuyệt đối	Tương đối
Số lao động bình quân	803	749	54	6.72%
Tổng doanh thu trong kì	329,618,187,937	334,004,000,000	-4,385,812,063	-1.33%

Lợi nhuận sau thuế	69,431,000,316	58,961,000,000	10,470,000,316	15.08%
Hiệu suất sử dụng lao động	410483422.09	445933244.33	-35449822.24	-8.64%
Mức sinh lời của 1 lao động	86464508.49	78719626.17	7744882.32	8.96%

### Nhận xét:

Qua bảng chỉ tiêu trên ta thấy số lao động bình quân có sự biến động, cụ thể số lượng lao động năm 2015 là 803 lao động so với năm 2014 là 749, đã tăng 54 lao động, tổng doanh thu trong năm 2015 giảm 4,385,812,063đ so với năm 2014 dẫn tới hiệu suất sử dụng lao động năm 2015 thấp hơn năm 2014. Cụ thể năm 2015 hiệu suất sử dụng lao động 410483422.09 giảm 35449822.24 so với năm 2014 tương ứng tỷ lệ tăng 8.64%. Nguyên nhân chủ yếu là do chi nhánh đã tuyển dụng thêm lao động.

Mức sinh lời của 1 lao động trong năm 2015 cũng tăng 7744882.32 tương ứng 8.96% so với năm 2014, đạt mức 86464508.49. Mặc dù số lao động bình quân đã tăng 54 người lên mức 803 lao động, chỉ tiêu này tăng mạnh trong năm 2015 bởi nguyên nhân lợi nhuận sau thuế trong năm 2015 lại tăng 10,470,000,316đ. Chứng tỏ việc tuyển dụng thêm lao động có hiệu quả, chi nhánh cần tiếp tục phh huy trong kì tới.

### 3.3.6. Phân tích một số hệ số tài chính.

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Chênh lệch	
			Tuyệt đối	Tương đối
Doanh thu thuần	329,618,187,937	334,004,000,000	-4,385,812,063	-1.33%
Tổng TS bình quân	594,028,556,332	379,489,927,635	214,538,628,697	36.12%
Vốn chủ sở hữu BQ	579,172,321,084	364,011,764,172	215,160,556,912	37.15%
Lợi nhuận sau thuế	69,431,000,316	58,961,000,000	10,470,000,316	15.08%
Tỷ suất LN/DT(ROS)	0.211	0.177	0.034	16.19%
Tỷ suất LN/TTS(ROA)	0.117	0.155	-0.038	-32.93%

Tỷ suất LN/VCSH Bình Quân (ROE)	0.120	0.162	-0.042	-35.12%
------------------------------------	-------	-------	--------	---------

### **Nhận xét:**

Hệ số lãi ròng (ROS) năm 2015 so với năm 2014 tăng 3,4%. Năm 2014 cứ 100 đồng doanh thu tạo ra được 17,7 đồng lợi nhuận sau thuế, đến năm 2015 thì cứ 100 đồng doanh thu tạo ra được 21,1 đồng lợi nhuận sau thuế. Chứng tỏ hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đang khá tốt.

- Về tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA) năm 2015 đã giảm so với năm 2014 là 3,8% do lợi nhuận sau thuế tăng và tổng tài sản bình quân tăng, tuy nhiên tốc độ tăng của tổng tài sản bình quân tăng nhanh hơn gấp nhiều lần so với tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế. Năm 2014 cứ 100 đồng giá trị tài sản bỏ vào sử dụng tạo ra được 15,5 đồng lợi nhuận sau thuế, đến năm 2015 thì cứ 100 đồng giá trị tài sản bỏ vào sử dụng thì thu được 11,7 đồng lợi nhuận sau thuế. Nguyên nhân là do lợi nhuận sau thuế tăng lên 15,08%, trong khi tổng tài sản bình quân của Chi nhánh lại tăng là 37,15%. Điều này cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty đang kém hiệu quả.

Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu (ROE) là chỉ tiêu quan trọng nhất đối với các chủ doanh nghiệp và nhà đầu tư. Trong hai năm 2014 và năm 2015, chỉ tiêu này có xu hướng giảm, năm 2014 là 0,162 và sang năm 2015 giảm còn 0,12. Trong năm 2014 cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu tạo ra được 16,2 đồng lợi nhuận sau thuế, đến năm 2015 cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu tạo ra được 12 đồng lợi nhuận sau thuế, giảm 4,2 đồng so với năm 2014. Nguyên nhân là do lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu bình quân đều tăng. Tuy nhiên tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu nhanh hơn tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế. Điều này cho thấy hiệu quả sử dụng vốn chủ của Chi nhánh ngày càng kém và đang gặp vấn đề.

## **Phần IV: Đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại chi nhánh cảng Chùa Vẽ trực thuộc công ty cổ phần cảng Hải Phòng.**

### **4.1.Đánh giá chung**

Cảng Chùa Vẽ được thành lập tháng 5/1977 với tiền thân chỉ là một bãi bồi phù sa và chỉ có đoạn cầu tàu dài 345m cho thuyền và sà lan cập bến, hàng hóa vận chuyển qua đây chủ yếu là hàng quân sự.Sau gần 40 năm phát triển từ một xí nghiệp nhỏ Chi nhánh cảng Chùa Vẽ đã phát triển thành một trong những chi nhánh lớn. Cảng Chùa Vẽ có công nghệ xếp dỡ hiện đại, tiên tiến ,đóng góp doanh thu cho tổng công ty, góp phần xây dựng công ty cổ phần cảng Hải Phòng lớn mạnh.

Cùng với xu thế phát triển hội nhập của nền kinh tế đất nước, đặc biệt trong điều kiện Việt Nam đã gia nhập nhiều tổ chức quốc tế. Hội nhập kinh tế, mở cửa đồng nghĩa với có nhiều cơ hội và cũng rất nhiều thách thức.Điều đó đòi hỏi các cảng phải không ngừng đổi mới, nâng cấp trang thiết bị để sẵn sàng đương đầu với thử thách và nắm bắt cơ hội, sánh tầm với các cảng biển lớn khác trong khu vực và trên thế giới.

Qua quá trình phân tích ở phần trước, ta có thể rút ra những ưu, nhược điểm về hiệu quả sản xuất kinh doanh tại Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ như sau:

#### **❖ Ưu điểm**

- Tỷ trọng tài sản dài hạn của Chi nhánh chiếm tỷ trọng lớn trong tài sản, vì vậy tất cả các khoản huy động bên ngoài đều có tài sản đảm bảo.
- Tiềm lực tài chính lớn, nguồn vốn tự tài trợ cao
- Hiệu suất sử dụng TSCĐ có xu hướng tăng
- Hiệu suất sử dụng tổng tài sản tăng
- Mức sinh lời của một lao động của Chi nhánh tăng mặc dù hiệu suất sử dụng lao động có xu hướng giảm.
- Hệ số lãi ròng có xu hướng tăng, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Chi nhánh khá tốt.
- Chi nhánh đã thực hiện đúng chế độ kế toán do Bộ Tài chính qui định, kịp thời sửa đổi, bổ sung theo những thông tư, chuẩn mực và luật kế toán mới.

- Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách và các qui định tài chính, thuế của Nhà nước.

❖ **Nhược điểm:**

Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm trên, tình hình hiệu quả sản xuất kinh doanh của Chi nhánh vẫn tồn tại một số hạn chế sau:

- Cơ cấu tài sản của Chi nhánh không được hợp lý lắm. Tỷ suất đầu tư vào tài sản ngắn hạn của Chi nhánh quá thấp so với tổng tài sản, đặc biệt là khoản tiền và các khoản tương đương tiền.
- Hiệu quả sử dụng lao động giảm do số lượng lao động tăng nhưng doanh thu của Chi nhánh lại giảm.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp có xu hướng tăng làm giảm lợi nhuận, Chi nhánh cần tìm hiểu nguyên nhân và có phương hướng giải quyết.
- Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ có xu hướng giảm.

## **4.2. Đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại chi nhánh cảng Chùa Vẽ trực thuộc công ty cổ phần cảng Hải Phòng.**

### **4.2.1. Giải pháp nâng cao hoạt động marketing.**

#### *Cơ sở đề ra giải pháp*

Hải Phòng là thành phố cảng lớn vì vậy hoạt động về cảng biển rất phong phú và rất nhiều đối thủ cạnh tranh đối với công ty cổ phần Cảng Hải Phòng-Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ. đặc biệt cảng Xanh Vip, cảng Tân Vũ gần khu vực phao số 0 có lợi thế hơn nhiều so với chi nhánh.

Hơn nữa Trong 2 năm vừa qua, doanh thu của chi nhánh Cảng Chùa Vẽ có sự sụt giảm. Cụ thể năm 2015 đạt mức 329,618,187,937 VNĐ so với cùng kì năm 2014 là 334,004,000,000 VNĐ, đã giảm đi 4,385,812,063 tương ứng tỉ lệ giảm 1.33%. Chủ yếu do sản lượng xuất khẩu và nhập khẩu của chi nhánh cảng Chùa vẽ đều giảm.

Ngoài ra Việc đầu tư cho hoạt động marketing của chi nhánh Cảng Chùa Vẽ cũng chưa thật sự được chú trọng.

Đó là những lí do khiến cho Chi nhánh cảng Chùa Vẽ đang mất dần các Hãng tàu và khiến doanh thu cũng như sản lượng sụt giảm các năm gần đây.

#### Mục đích của giải pháp

- Giữ khách hàng
- Nâng cao sản lượng , tăng doanh thu

#### Nội dung của giải pháp

**a.- nhóm khách hàng truyền thống** , xác định 3 khách hàng lâu năm và là đối tác lớn công ty Mearsk Việt Nam Ltd, công ty cổ phần vận tải Vinafco, Yang Minh Corperation( VN), ngoài ra còn có công ty liên doanh đại lý vận tải COFI, công ty TNHH NYK line Việt Nam...là các khách hàng thường xuyên

-Mở các cuộc hội nghị khách hàng theo nhóm chủ hàng hoặc gặp trực tiếp chủ hàng, tìm hiểu nhu cầu của họ và tiếp thu ý kiến phản hồi, ý kiến tham gia của khách hàng để từ đó đề ra các biện pháp khắc phục kịp thời.

-Lên kế hoạch tặng quà biếu các dịp đầu năm và cuối năm cho khách hàng truyền thống

#### **b.Với nhóm khách hàng tiềm năng**

- Gặp gỡ khách hàng, giới thiệu năng lực của cảng
- Tặng quà và tìm hiểu nhu cầu khách hàng.

#### **Cụ thể:**

Lên kế hoạch dành 3% lợi nhuận cho các khoản chi tương ứng trong năm 2015 là  $69,431,000,316 \times 3\% = 2,082,930,009$  VNĐ

Tổ chức hội nghị khách hàng vào khoảng tháng 5 hàng năm, mời tất cả các đối tác của công ty tới tham dự, lắng nghe ý kiến của khách hàng, trên quan điểm đó tiếp thu và tìm ra tiếng nói chung, tìm kiếm cơ hội .qua hội nghị cũng giới thiệu thêm về những đổi mới về dịch vụ, các chính sách của doanh nghiệp

Đối với 3 công ty là đối tác lớn, tặng quà theo quý, mỗi quý sẽ có kế hoạch tặng quà hoặc mời lãnh đạo đối tác dự tiệc trong đó

- Tháng 2 và tháng 12 các năm, lên kế hoạch tặng quà mỗi suất quà trị giá 30tr cho mỗi đối tác lớn( 3 đối tác),

-Tháng 5 và tháng 8 mời ban lãnh đạo 3 đối tác lớn dự tiệc( sau hội nghị khách hàng tổ chức tháng 5 hàng năm, mời ban lãnh đạo 3 đối tác lớn dự tiệc, qua buổi đó làm tăng sự thân thiết, gắn kết, giữ chân khách hàng lớn)

Các đối tác thường xuyên còn lại tặng quà vào đầu năm và cuối năm. Vào tháng 2 và tháng 12 . tặng mỗi đối tác suất quà trị giá 10tr.

Khách hàng tiềm năng tặng quà vào đầu năm và cuối năm. Vào tháng 2 và tháng 12 . tặng mỗi đối tác suất quà trị giá 5tr.

Kết hợp việc tặng quà hàng năm, cử nhân viên gọi điện hỏi thăm về tình hình kinh doanh tại các công ty đối tác, trực tiếp tới gặp tìm hiểu nhu cầu của họ và tiếp thu ý kiến phản hồi, ý kiến tham gia của khách hàng để từ đó đề ra các biện pháp khắc phục kịp thời. chi phí đi lai, in ấn tài liệu, phụ cấp nhân viên ăn ở khoảng 10tr/lần.

Cuối năm tổ chức tất niên có mời các đối tác tham dự

Đây là biện pháp giúp giữ chân khách hàng ở lại với doanh nghiệp, thay vì giảm giá chi phí có thể phạm lkuat vì giá dịch vụ là mức giá chung, việc gặp gỡ thường xuyên, tặng quà, quan tâm tới khách hàng giúp cho doanh nghiệp và các đối tác có sự gắn kết, thân thiết, kết hợp với thái độ phục vụ chất lượng dịch vụ để giữ chân khách hàng lâu năm.

Việc tặng quà và quan tâm tới các khách hàng tiềm năng cũng giúp nhóm khách hàng này có ấn tượng tốt về chi nhánh từ cái nhìn đầu tiên, khi có nhu cầu sẽ nghĩ ngay tới doanh nghiệp.

## Bảng chi phí dự kiến

Đv: triệu đồng

Stt	Khoản mục	Diễn giải	Chi phí dự kiến
1	<b>Chi mua quà biếu</b>		<b>570</b>
	cho đối tác lớn( 3 công ty)	Tặng quà 30tr x2lần x3cty và mời dự tiệc 20tr x2lần x3cty	300
	cho đối tác thường xuyên	10tr x2lần x12cty	240
	cho khách hàng tiềm năng	5tr x2 lần x3cty	30
2	<b>Chi phí đi gặp trực tiếp chủ hàng,</b>	10tr x2lần x18cty	360
3	<b>Chi phí tổ chức hội nghị khách hàng</b>	tổ chức 1 lần vào tháng 5	500
4	<b>Chi phí tiệc tất niên mời khách</b>	tổ chức cuối năm	500
<b>Tổng chi phí</b>			<b>1930</b>

Kết quả

Áp dụng giải pháp. Kỳ vọng doanh thu sẽ tăng 2% so với năm 2015 tương ứng 329,618,187,937 x2%=6,592,363,759 VNĐ

Lợi nhuận của việc áp dụng giải pháp mang lại

$$\Delta LN = 2\%DT - 2\%GVHB - \Delta CP$$

$$= (2\% \times 329,618,187,937) - (2\% \times 219,641,187,621) - 1,930,000,000$$

$$= 269,540,006 \text{ VNĐ}$$

### 4.2.2 Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng lao động.

#### Cơ sở đề ra giải pháp

Năm 2015 doanh thu năm 2015 chỉ đạt 329,618,187,937 VNĐ, giảm 4,385,812,063 VNĐ so với cùng kỳ năm 2014, hơn nữa tổng số lao động tại tăng 54



người, Điều này kiến cho hiệu suất sử dụng lao động của chi nhánh cảng chùa về giảm 1.33% so với năm 2014. Điều này khiến ta thấy sự bất cập trong sử dụng lao động tại đây.

Ngoài ra đối thủ cạnh tranh của chi nhánh cảng Chùa Vẽ, đặc biệt là cảng Đình Vũ năm vừa qua lại có hiệu suất sử dụng lao động rất cao do doanh thu năm 2015 hơn hẳn đạt 652.048.118.390vnd và số lượng lao động chỉ có 430 lao động.

Hơn nữa cảng đình Vũ lại đang là Cảng có chính sách lương và chế độ đãi ngộ rất tốt, lôi kéo nhiều người tài vì là cảng cổ phần hóa từ đầu nên đã khấu hao hết giá trị TSCĐ, không phía gánh chi phí khấu hao nên dễ tăng lương, Với tình hình hiện nay chi nhánh cảng chùa Vẽ tiềm ẩn nguy cơ mất lao động có trình độ.

Vì vậy việc nâng cao hiệu quả sử dụng lao động tại chi nhánh cảng Chùa Vẽ hiện nay là khá cần thiết.

#### Mục đích của giải pháp

Nâng cao hiệu quả sử dụng lao động

Tăng doanh thu

#### Nội dung của giải pháp

Gần đây sản lượng hàng hóa qua cảng đang sụt giảm việc duy trì số lượng lao động đông là không cần thiết, chi nhánh có thể giảm bớt số lượng lao động bằng cách luân chuyển lao động trực tiếp sang chi nhánh khách cũng trực thuộc công ty mẹ công ty cổ phần cảng Hải Phòng

Một số vị trí quan trọng , chủ chốt nên linh hoạt về tính lương

Những cán bộ, công nhân viên có thái độ tích cực, trau dồi bản thân, có ý thức nâng cao tay nghề cần có chế độ thưởng phù hợp

Vấn đề chảy máu chất xám cũng xảy ra nhiều ở các công ty, chi nhánh vẫn nên chi đào tạo cán bộ nguồn và cho hưởng chính sách đãi ngộ tốt tuy nhiên cần có cam kết công hiến thời hạn tốt thiếu sau đào tạo để tránh tình trạng chảy máu chất xám.

#### **Cụ thể:**

Dành 3% lợi nhuận tương đương  $69,431,000,316 \times 3\% = 2,082,930,009$  vnd

-15 cán bộ trực, điều tiết tàu lên kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ . một khóa 3 tháng, chi phí khoảng 5triệu vnd/tháng mỗi người

Đối tượng nhân viên thủ tục, tính cước, ban kinh doanh tiếp thị, bồi dưỡng nâng cao khả năng tiếng Anh chuyên ngành, tăng hiệu quả làm việc với người nước ngoài, các đối tác Singapore, Thái Lan, Nhật...

Toàn chi nhánh có 5 người trình độ thạc sĩ và 271 trình độ đại học, trong đó, xét 5 người đủ năng lực cho đi học quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ nước ngoài.

Sau đào tạo cần có cam kết công hiến thời hạn tốt thiểu để tránh tình trạng chảy máu chất xám.

Tặng quỹ thưởng thêm 200 triệu vnd danh riêng cho các cán bộ, nhân viên sau đào tạo nghiệp vụ nếu có thành tích tốt, cải thiện hiệu quả công việc.

Đây là biện pháp đối phó tình huống nhằm tránh tình trạng lao động bị lôi kéo, chảy máu chất xám

### Bảng chi phí dự kiến

Đv: VND

Stt	Khoản mục	Diễn giải	Chi phí dự kiến
1	bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ trực ban, chỉ đạo tàu	3tr x 15 người x3tháng	135,000,000
1	Bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng Anh chuyên ngành	đối tượng nv thủ tục, tính cước, ban kinh doanh tiếp thị 4tr x 20người x3 tháng	240,000,000
3	Đi học quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ nước ngoài	Đào tạo cán bộ nguồn 5 người(trình độ th.sĩ)	1,500,000,000
4	Tặng quỹ thưởng		200,000,000
Tổng chi phí			2,075,000,000

### Kết quả của giải pháp:

Áp dụng giải pháp, chi nhánh kì vọng tăng doanh thu trong năm 2016 lên.2%, tương ứng mức tăng  $329,618,187,937 \times 1.2\% = 3,955,418,255$  vnd

Lợi nhuận từ việc áp dụng giải pháp mang lại

$$\Delta LN = 2\%DT - 2\%GVHB - \Delta CP$$

$$= (2\% \times 329,618,187,937) - (2\% \times 219,641,187,621) - 2,075,000,000$$

$$= 124,540,006 \text{ vnd}$$

### **4.2.3, Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định**

#### Cơ sở đưa ra giải pháp

Do đặc thù của Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ là một Công ty kinh doanh dịch vụ xếp dỡ, dịch vụ kho bãi, vận tải và đại lý vận tải đường biển thì việc tài sản đóng góp vào quá trình kinh doanh chủ yếu là tài sản cố định. Vì thế việc sử dụng tài sản cố định một cách hiệu quả là điều hết sức cần thiết, có thể đem lại lợi nhuận tối ưu cho doanh nghiệp

Có thể thấy bên trên có phân tích rõ, hiệu suất sử dụng TSCĐ tại chi nhánh cảng Chùa Vẽ năm 2015 là 0.62 và cùng kì năm 2014 đạt 0.54. rõ ràng chi nhánh đã có những biện pháp hữu hiệu để gia tăng hiệu suất sử dụng TSCĐ. Chỉ số này ở mức 62% là ổn, tuy nhiên chưa cao. Thậm chí cảng đình vũ với lợi nhuận sau thuế đạt 281.089.358.387 và tổng TSCĐ ở mức 254.544.631.362 thì có hiệu suất sử

dụng TSCĐ =  $\frac{281,089,358,387}{254,544,362} = 1.10$ , tương đương 110%

Chi nhánh cần có thêm giải pháp để nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng TSCĐ

#### Mục đích của giải pháp

-Nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ

-Giảm bớt tình trạng ứ đọng vốn từ nguồn tài sản cố định.

#### Nội dung của giải pháp.

Trực tiếp tới gặp ,đề xuất kí hợp đồng liên kết với một số cảng khác trong khu vực lân cận ( cảng Tân Vũ,cảng Đình Vũ) khi cảng đối tác quá tải có thể san sang cảng Chùa Vẽ để phối hợp.

Chi nhánh cảng Chùa Vẽ sử dụng nguồn lực của bản thân để tiếp nhận, xử lý và chỉ hưởng 70% lợi nhuận từ hoạt động khai thác đó,. Cảng đối tác san sẽ không mất chi phí, hưởng 30% lợi nhuận.

Tuy giải pháp này chi nhánh cảng Chùa Vẽ không hưởng nhiều lợi ích vô hình như thương hiệu hay sự tín nhiệm của khách hàng, tuy nhiên lại có một phần lợi nhuận, giải pháp quyết phần nào các tài sản cố định chưa khai thác hết. Tính chất của giải pháp tương tự như việc liên kết, nhận gia công hàng hóa.

Ngoài ra chi nhánh cảng chùa vẽ cũng có thể thực hiện thanh lý một số TSCĐ đã khấu hao hết và quá cũ như một số xe đầu kéo từ năm 1997. Tuy nhiên, do Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ là doanh nghiệp hạch toán phụ thuộc vào Công ty Cổ

phần Cảng Hải Phòng nên đối với số tài sản cần thanh lý, Chi nhánh không có quyền chủ động trong việc thanh lý số tài sản này. Để tiến hành thanh lý số tài sản này,

Chi nhánh cần làm đơn trình cấp chủ quản là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng về việc đứng ra thanh lý số tài sản cố định này. Sau 30 ngày nếu có sự đồng ý của cấp trên mới có quyền đứng ra thanh lý.

## KẾT LUẬN

Trong những năm gần đây Chi nhánh cảng Chùa Vẽ đã có nhiều nỗ lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tạo dựng được niềm tin, sự hài lòng của khách hàng. Do đó chi nhánh luôn giữ được các khách hàng truyền thống và luôn cố gắng mở rộng phạm vi với nhiều khách hàng tiềm năng từ nước ngoài.

Trong quá trình thực tập, nghiên cứu, tìm hiểu, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần cảng Hải Phòng-chi nhánh cảng Chùa Vẽ, bằng kiến thức đã học trên ghế nhà trường, em đã đưa ra một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Mong rằng những biện pháp em đề xuất có thể áp dụng vào thực tiễn sản xuất kinh doanh và đem lại những hiệu quả nhất định cho công ty trong thời gian tới.

Do hạn chế về thời gian cũng như khả năng còn hạn hẹp nên khóa luận của em không tránh khỏi sai sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy, cô, tập thể ban lãnh đạo công ty và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn..

Một lần nữa xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình của giảng viên, th.sĩ Lã thị Thanh Thủy, các thầy cô trong khoa Quản Trị Kinh Doanh và tập thể cán bộ, công nhân viên các phòng ban tại công ty cổ phần cảng Hải Phòng-chi nhánh cảng Chùa Vẽ đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Lê Nguyên

**Phụ lục từ viết tắt:**

TSCĐ: Tài sản cố định

TSLĐ: Tài sản lưu động

VCSH: Vốn chủ sở hữu

VCP: Vốn cổ phần

CP: Chi phí

LN: Lợi nhuận

LNst: Lợi nhuận sau thuế

LNtt: Lợi nhuận trước thuế

LNR: Lợi nhuận ròng

HTK: Hàng tồn kho

**Tài liệu tham khảo:**

-Giáo trình “Quản trị tài chính doanh nghiệp” – Nguyễn Hải Sản, NXB Thống kê năm 2005.

- Giáo trình “Phân tích hoạt động kinh doanh” – NXB Thống kê năm 1999.

- Giáo trình “Đọc, lập và phân tích báo cáo tài chính” – Ngô Thế Chi, NXB Tài chính năm 2000.

- Các báo cáo tài chính và số liệu, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần cảng Hải phòng, chi nhánh cảng Chùa Vẽ.

- Luận văn tốt nghiệp các khóa XV, X Trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

-Một số tài liệu khác.